

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THIÊN LONG



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

# NỘI DUNG

## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

<b>I.</b>	<b>GIỚI THIỆU CÔNG TY</b>	<b>1</b>
1.	Thông tin khái quát	2
2.	Lịch sử hình thành và phát triển	4
3.	Những sản phẩm tiêu biểu	5
4.	Những giải thưởng, chứng nhận tiêu biểu	7
5.	Mô hình quản trị và danh sách công ty con	9
6.	Sơ đồ tổ chức	10
7.	Định hướng phát triển	11
8.	Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng	12
9.	Hoạt động cộng đồng	13
10.	Quản trị rủi ro	14
<b>II.</b>	<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b>	<b>16</b>
1.	Tóm tắt hoạt động năm 2012	17
2.	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	20
3.	Thông tin thành viên Hội đồng Quản trị	21
4.	Thông tin thành viên Ban Tổng Giám đốc	28
5.	Thông tin thành viên Ban Kiểm soát	35
6.	Chính sách nhân sự	37
7.	Thông tin cổ phần	39
<b>III.</b>	<b>BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>43</b>
1.	Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty	44
2.	Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	45
3.	Kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị	46
<b>IV.</b>	<b>BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>47</b>
1.	Đánh giá kết quả hoạt động và tình hình tài chính năm 2012	48
2.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý	55
3.	Kế hoạch phát triển	56
4.	Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán	57
<b>V.</b>	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>58</b>
1.	Hội đồng Quản trị	59
2.	Ban Kiểm soát	62
3.	Giao dịch nội bộ	63
4.	Quan hệ cổ đông	66
<b>VI.</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012</b>	<b>67</b>

## Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị



## Kính thưa Quý Cổ đông,

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị Tập Đoàn Thiên Long, tôi xin trân trọng gửi đến toàn thể cán bộ công nhân viên, quý khách hàng, các đối tác trong, ngoài nước và các cổ đông lời chúc sức khỏe và lòng biết ơn sâu sắc vì sự tin tưởng, hỗ trợ Quý vị đã dành cho Thiên Long trong suốt những năm qua.

Bất chấp những khó khăn chung của nền kinh tế, Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long, với vị thế là Tập đoàn Văn phòng phẩm số 1 tại Việt Nam, vẫn phát triển một cách mạnh mẽ cùng nền tảng nguồn lực vững chắc được tạo lập từ nhiều năm qua.

Bằng sự nỗ lực không ngừng của ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, Tập Đoàn Thiên Long đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu quan trọng trong sản xuất, kinh doanh của năm 2012. Đặc biệt, năm 2012 ghi nhận thành công vượt bậc của Thiên Long trong lĩnh vực xuất khẩu. Cùng với mức tăng trưởng doanh thu ấn tượng 75% và thành công nổi trội ở thị trường Mỹ, Thiên Long đã khẳng định vị thế vững chắc của mình trên thị trường quốc tế, đặt nền tảng vững chắc cho những bước tiến xa hơn cho Tập đoàn trong tương lai.

Song song với những thành quả ấn tượng đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn Thiên Long luôn thể hiện được ý thức trách nhiệm với xã hội, với cộng đồng thông qua những hoạt động tri thức thiết thực, mang tính nhân đạo, nhân văn sâu sắc. Bên cạnh đó, vốn hóa thị trường của cổ phiếu TLG đạt 400 tỷ, tăng hơn 60%, so với gần 250 tỷ cuối năm 2011.

Để có được những thành công đó, cần phải kể đến sự đóng góp rất lớn của Quý cổ đông, những người đã và đang sát cánh cùng Tập đoàn Thiên Long trong những năm đầy khó khăn của nền kinh tế nói chung và của thị trường chứng khoán nói riêng.

Với năng lực và kinh nghiệm của Ban Lãnh đạo, với niềm tự hào và khát vọng mà mỗi người lao động Tập đoàn luôn cháy bỏng, tất cả chúng ta tin tưởng rằng, năm 2013 sẽ tiếp tục là một năm phát triển thành công của Tập đoàn.

Với những chiến lược phát triển đặt ra trên cơ sở những kế hoạch, dự án sát thực tế mà toàn thể Tập đoàn đang tập trung theo đuổi, chúng ta hoàn toàn tin tưởng vào những bước tiến nhảy vọt của Tập đoàn trong thời gian sắp đến.

Hội đồng Quản trị và cá nhân tôi luôn cam kết sẽ phấn đấu hết mình vì sự nghiệp phát triển bền vững, lâu dài của Thiên Long. Chúng tôi mong nhận được sự đồng thuận và hỗ trợ nhiệt thành của Quý cổ đông để chúng ta có thể vững bước trên con đường thực hiện mục tiêu chiến lược của Tập đoàn, nâng thương hiệu Thiên Long lên một tầm cao mới, bảo vệ và gia tăng lợi ích lâu dài của Quý Cổ đông và đóng góp nhiều hơn nữa cho xã hội.

Xin cảm ơn và trân trọng kính chào Quý Vị,

TM. Hội đồng Quản trị

Chủ tịch

## PHẦN I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

---

1. Thông tin khái quát
  2. Lịch sử hình thành và phát triển
  3. Những sản phẩm tiêu biểu
  4. Những giải thưởng, chứng nhận tiêu biểu
  5. Mô hình quản trị và danh sách các công ty con
  6. Sơ đồ tổ chức
  7. Định hướng phát triển
  8. Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng
  9. Hoạt động cộng đồng
  10. Quản trị rủi ro
- 



## 1. Thông tin khái quát

Tên công ty	: Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long
Tên giao dịch	: Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long
Mã chứng khoán	: TLG
Logo	: 
Vốn điều lệ	: 211.799.700.000 VNĐ
Trụ sở chính	: Lô 6-8-10-12 đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. HCM
Điện thoại	: (84-8) 3750 5555
Fax	: (84-8) 3750 5577
Email	: <a href="mailto:info@thienlonggroup.com">info@thienlonggroup.com</a>
Website	: <a href="http://www.thienlonggroup.com">www.thienlonggroup.com</a>
Giấy chứng nhận ĐKKD	: Số 4103003187, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 18 tháng 12 năm 2012.

### Lĩnh vực hoạt động

Thiên Long được đánh giá là thương hiệu số 1 văn phòng phẩm tại Việt Nam. Các sản phẩm của Thiên Long bao gồm: Bút Viết, Dụng Cụ Văn Phòng, Dụng Cụ Học Sinh, Dụng Cụ Mỹ Thuật, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng từ bậc mầm non, tiểu học, trung học, đại học...đến nhân viên, cấp điều hành.

### Hệ thống phân phối

Tại Việt Nam, mạng lưới nhà phân phối Thiên Long phủ khắp 63/63 tỉnh thành trên cả nước với trên 135 nhà phân phối, hơn 45.000 điểm bán hàng và 2 tổng kho tại Miền Nam và Miền Bắc.

Về thị trường xuất khẩu, sản phẩm Thiên Long đã có mặt tại hơn 30 nước ở khắp 5 châu lục trên thế giới. Tốc độ tăng trưởng doanh thu xuất khẩu bình quân đạt trên 50% mỗi năm.



### Giá trị cốt lõi

Tiền phong trong công nghệ và sáng tạo để tạo ra những sản phẩm đột phá phục vụ người tiêu dùng, cùng nhau xây dựng cộng đồng Thiên Long phát triển vững mạnh, mang tính nhân đạo nhân văn.

### Sứ mệnh

Cung cấp văn phòng phẩm, bút viết phục vụ cho việc học và chinh phục đỉnh cao tri thức.

## 2. Lịch sử hình thành và phát triển

2012

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long đã tiến hành tăng vốn điều lệ từ 176.500.000.000 VNĐ lên 211.799.700.000 VNĐ thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

2008 - 2011

Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long. Mã cổ phiếu TLG được niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán TP HCM vào năm 2010. Trong thời gian này công ty cũng gia tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VNĐ lên 176.500.000.000 VNĐ

2005 - 2007

Công ty TNHH SX-TM Thiên Long chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần SX-TM Thiên Long với vốn điều lệ 100.000.000.000 VNĐ vào năm 2005, tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 120.000.000.000 VNĐ.

1996 - 2004

Công ty TNHH SX-TM Thiên Long ra đời vào năm 1996, đánh dấu một giai đoạn phát triển mới về nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực sản xuất, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm.

1981 - 1995

Cơ sở bút bi Thiên Long được thành lập, dần dần đa dạng hóa sản phẩm, đầu tư trang thiết bị và mở rộng thị trường bút viết trong cả nước.



### 3. Những sản phẩm tiêu biểu



#### Bút Viết (TL, Bizner)

Nhóm bút viết của Thiên Long đa dạng về mẫu mã và chủng loại, với các dòng sản phẩm như bút bi, bút gel, bút lông bi, bút lông kim, ...với các nguyên liệu chính được nhập khẩu từ Đức, Thụy Sĩ, đảm bảo chất lượng ổn định và chất lượng tốt nhất cho người tiêu dùng.



#### Dụng Cụ Văn Phòng (FlexOffice)

Thiên Long cung cấp tất cả các dụng cụ cần thiết cho giới văn phòng như bìa, file, lông băng, lông dầu, dao rọc giấy, bấm kim, giấy văn phòng, mực in... Với tiêu chí trở thành "Cộng sự đắc lực" cho giới Văn phòng, các sản phẩm của Thiên Long mang đặc tính tiện dụng và không gây hại với môi trường.



#### Dụng Cụ Học Sinh (Điểm 10)

Bao gồm các nhóm sản phẩm như bảng học sinh, phần, thước kẻ, chuột bút chì, gôm, keo khô, hồ dán, compa, kéo, tập... Thiên Long cung cấp tất cả các sản phẩm cần thiết phục vụ cho việc học tập của các em học sinh, với mục đích giúp các em "Tiếp cận tri thức" một cách nhanh nhất và tiện lợi nhất.



### Dụng Cụ Mỹ Thuật (Colokit)

Với mục tiêu “Nuôi dưỡng niềm say mê học tập”, các sản phẩm mỹ thuật của Thiên Long có màu sắc đa dạng, tiện dụng giúp các bạn nhỏ thỏa sức sáng tạo và phát triển tư duy. Dụng Cụ Mỹ Thuật bao gồm sáp nặn, sáp màu, chì màu, màu nước...

**BẠN CÓ BIẾT?  
THI GIÁC ĐÀN ÔNG  
NHINH HƠN PHỤ NỮ,  
TRONG KHI  
THÍNH GIÁC PHỤ NỮ  
NHAY HƠN ĐÀN ÔNG.**

...và THIÊN LONG không chỉ có bút bi mà còn nhiều văn phòng phẩm đa dạng giúp thổi hồn vào tri thức.

www.thienlonggroup.com

**THIÊN LONG**  
SỨC MẠNH TRI THỨC

flexoffice BIZNER

**BẠN CÓ BIẾT?  
MỖI NGÀY TRÁI ĐẤT  
NẶNG THÊM 100 TẤN  
VÌ BỤI VŨ TRỤ.**

...và THIÊN LONG không chỉ có bút bi mà còn nhiều văn phòng phẩm đa dạng giúp thổi hồn vào tri thức.

www.thienlonggroup.com

**THIÊN LONG**  
SỨC MẠNH TRI THỨC

flexoffice BIZNER

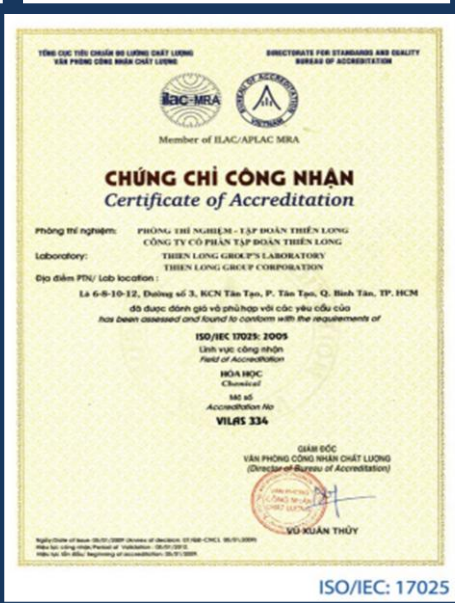
## 4. Những giải thưởng, chứng nhận tiêu biểu

Tập đoàn Thiên Long vinh dự là một trong 11 doanh nghiệp xuất sắc được trao tặng danh hiệu giải thưởng vàng Chất Lượng Quốc Gia năm 2011 và 17 năm liền được người tiêu dùng bình chọn là HVNCLC (từ năm 1997 đến 2013).

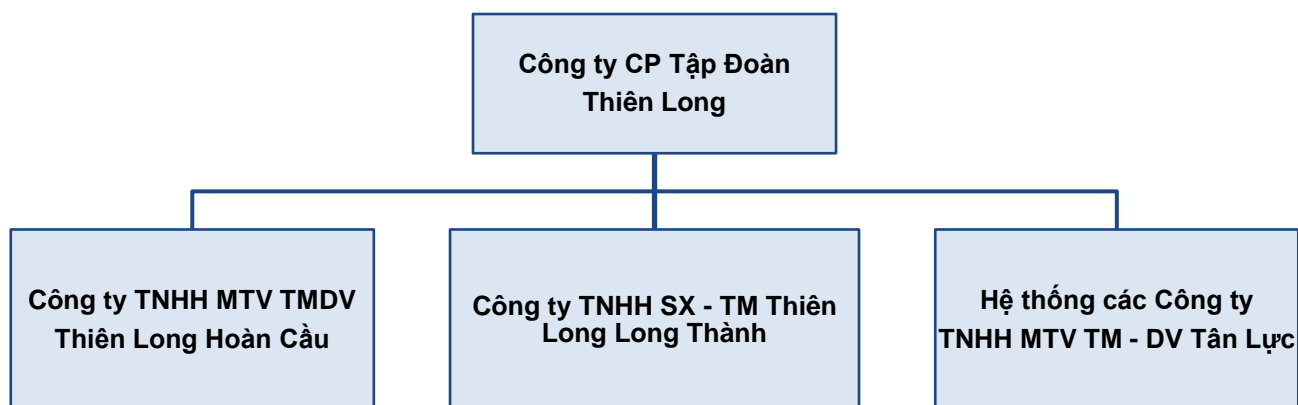
Ngoài ra, thương hiệu Thiên Long đã vinh dự được người tiêu dùng cả nước bình chọn là “Thương hiệu nổi tiếng nhất ngành hàng Văn phòng phẩm Việt Nam năm 2010” do Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam công bố trong số danh sách 500 thương hiệu nổi tiếng nhất Việt Nam.

Tập đoàn Thiên Long cũng đã nhận được nhiều giải thưởng, tiêu biểu như giải thưởng “Khi Tổ Quốc Cần” cho chương trình “Tiếp Sức Mùa Thi”; giải thưởng “Doanh Nghiệp Xanh”; giải thưởng “Sao vàng Đất Việt” ... và được vinh danh trong Top 10 doanh nghiệp tiêu biểu về trách nhiệm xã hội.





## 5. Mô hình quản trị và danh sách các công ty con



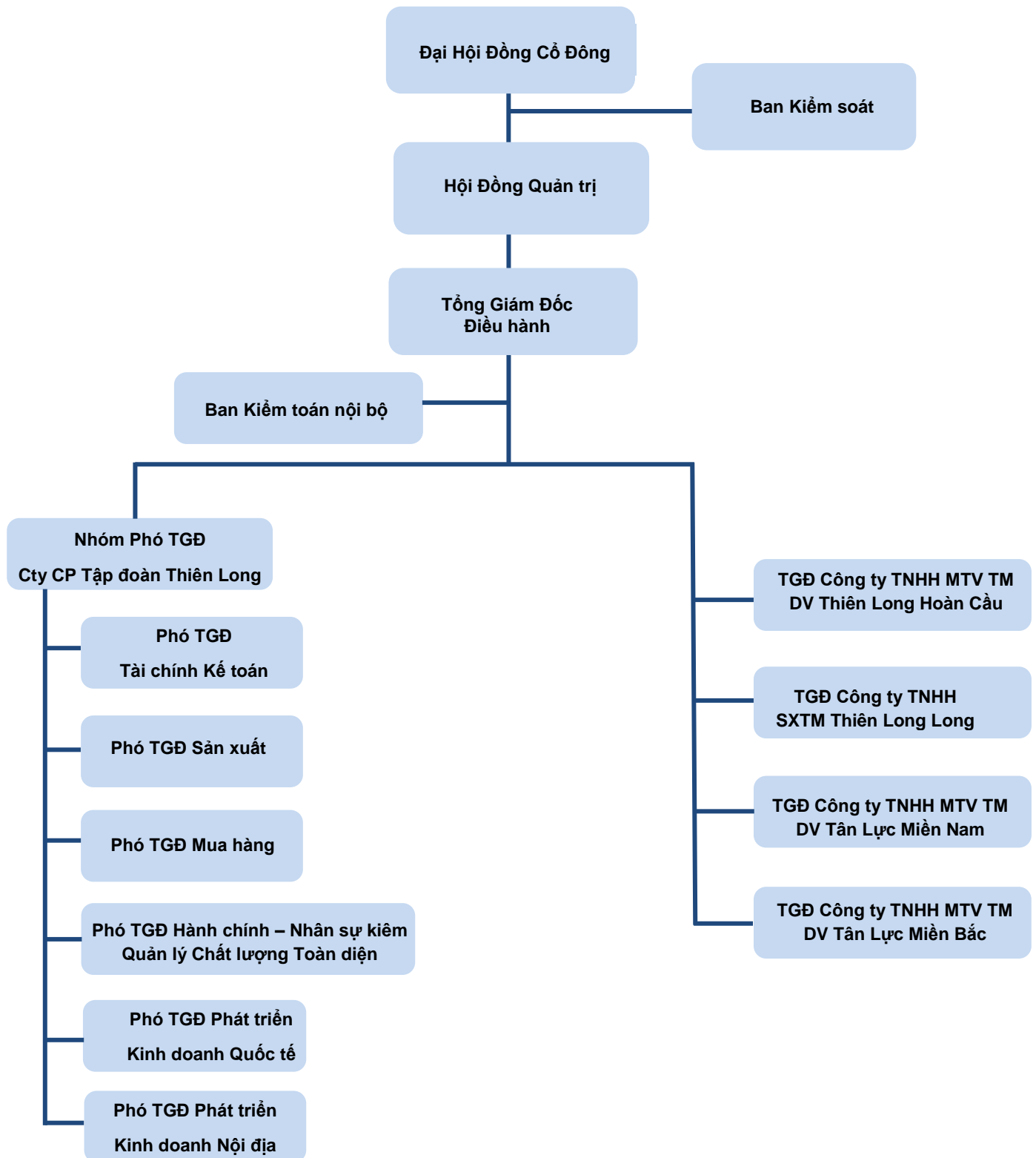
### Các công ty con, công ty liên kết

#### Danh sách các công ty con

STT	Tên	Ngành nghề kinh doanh chính	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ (VNĐ)	% Tập Đoàn Thiên Long sở hữu
01	Công ty TNHH SX - TM Thiên Long Long Thành	Sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm	Đường số 7, Khu Công nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai	80 tỷ	100%
02	Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu	Kinh doanh văn phòng phẩm	Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP HCM	20 tỷ	100%
03	Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam	Kinh doanh văn phòng phẩm	Số 19-21 Lô B, đường Trường Sơn, phường 15, quận 10, TP HCM	20 tỷ	100%
04	Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Bắc	Kinh doanh văn phòng phẩm	Số 78, đường Bạch Đằng, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	10 tỷ	100%

**Công ty liên kết:** không có

## 6. Sơ đồ tổ chức



## 7. Định hướng phát triển

Năm 2013 tiếp tục thực hiện chiến lược 5 năm của Thiên Long (2010 – 2014) với các mục tiêu

- Trở thành Tập đoàn văn phòng phẩm số 1 tại Việt Nam và hàng đầu tại Đông Nam Á
- Chuyên môn hóa và tự động hóa sản xuất
- Phát triển tất cả các kênh thương mại nội địa và kinh doanh quốc tế
- Trở thành một trong những công ty có môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, đem lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, lợi nhuận cao nhất cho Tập đoàn và cổ đông.



### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Phát triển để trở thành Tập đoàn văn phòng phẩm hàng đầu tại Đông Nam Á nói riêng và Châu Á nói chung
- Tập trung vào kinh doanh quốc tế để thâm nhập vào thị trường thế giới (phát triển hàng hợp tác sản xuất, mở rộng thị trường xuất khẩu)
- Đa dạng hóa chủng loại sản phẩm thông qua hàng hợp tác sản xuất, củng cố và đẩy mạnh việc mở rộng thị phần thị trường trong nước
- Tập trung tự động hóa sản xuất nhằm nâng cao năng suất và công suất của các nhà máy trong Tập đoàn, hoàn thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm

## 8. Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

Để đảm bảo người tiêu dùng tại Việt Nam cũng như trên thế giới luôn có sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, an toàn cho sức khỏe, hệ thống sản xuất của Thiên Long đang được vận hành theo 5 tiêu chí quản lý quốc tế (ISO) gồm chất lượng, môi trường, sức khỏe và an toàn nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, và kiểm soát phòng thí nghiệm.

Khi đưa ra một sản phẩm mới, Tập đoàn Thiên Long luôn chú trọng đến yếu tố an toàn sức khỏe cho người sử dụng. Sự có mặt của sản phẩm Thiên Long tại hơn 30 nước của 5 châu lục là một minh chứng rất rõ về tính an toàn của sản phẩm và đó chính là một trong những lợi thế cạnh tranh của thương hiệu Thiên Long.



Với thông điệp “Sức Mạnh Tri Thức”, các hoạt động xã hội và cộng đồng của Tập Đoàn Thiên Long luôn gắn liền với hoạt động giáo dục và đào tạo. Không những tạo ra những sản phẩm giá trị là công cụ giúp cho mọi người học hỏi tri thức, Thiên Long còn tạo ra môi trường tri thức, giúp con người có nhiều cơ hội khám phá tri thức dễ dàng hơn.



## 9. Hoạt động cộng đồng

### Chương trình Tiếp Sức Mùa Thi



Từ năm 2002, Thiên Long phối hợp cùng Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, Trung Ương Hội Sinh Viên Việt Nam và Báo Thanh Niên tổ chức thực hiện chương trình “Tiếp Sức Mùa Thi”. Mục đích chương trình nhằm hướng dẫn, hỗ trợ các thí sinh bớt đi những gánh nặng, nỗi lo về phương tiện, nơi ăn ở.. trong lần đầu tiên tham dự các kỳ thi tuyển sinh đại học và cao đẳng trong cả nước.



### Chương trình “Góp Bút Thiên Long, Cùng Bạn Đến Trường”

Được thực hiện từ năm 2008 tại các thành phố lớn, chương trình đã thu hút được sự tham gia của nhiều học sinh và trường học. Qua đó, các bạn học sinh sẽ đóng góp những cây bút Thiên Long đã qua sử dụng của mình để xây dựng quỹ học bổng cho các bạn học sinh nghèo hiếu học trong trường. Mỗi cây bút quyên góp được Thiên Long ủng hộ 200 đồng vào quỹ học bổng của mỗi trường. Thông qua chương trình, các em học sinh còn có thể học được rất nhiều bài học bổ ích về tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau, phát huy sáng tạo, tiết kiệm và ý thức bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, Tập đoàn Thiên Long đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các chương trình cổ xúy cho việc học tập và khám phá những điều thú vị trong cuộc sống như: Học bổng Lê Văn Tám, Vui Học Cùng Thiên Long, Tư Vấn Mùa Thi, Khám Phá Kho Tàng Kiến Thức,... Thiên Long với lịch sử hơn 30 năm, muốn chuyển tải thông điệp “Sức mạnh Tri thức” đến với người tiêu dùng và cộng đồng xã hội, mong ước người tiêu dùng nhận được chân giá trị của những sản phẩm tri thức, và cùng nhau xây dựng, phát triển một xã hội văn minh và thịnh vượng dựa trên nền tảng của *Sức mạnh Tri thức*.

## 10. Quản trị rủi ro

### Tác động

- Rủi ro biến động giá dầu: Giá dầu tác động trực tiếp lên giá nhựa, trong khi đó diễn biến bất thường của giá dầu rất khó dự báo
- Rủi ro tỷ giá hối đoái: do nguồn cung cấp trong nước còn hạn chế về nhiều mặt nên phần lớn các nguyên vật liệu chính phải được nhập khẩu từ nước ngoài
- Sự thay đổi thường xuyên của chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa tạo nên những rủi ro nhất định
- Rủi ro suy thoái kinh tế

### Rủi ro

- Sự biến động của tỷ giá hối đoái và giá dầu tác động không nhỏ đến giá thành sản phẩm của công ty do nguyên vật liệu nhập khẩu nói chung và nhựa nói riêng chiếm tỷ trọng đáng kể trong giá thành sản phẩm
- Suy thoái kinh tế ảnh hưởng rõ nét lên sức tiêu thụ của người tiêu dùng và các chính sách tiền tệ và tài khóa tác động đáng kể đến lợi nhuận của doanh nghiệp

- Nhờ có kinh nghiệm lâu năm trong ngành và mối quan hệ đối tác truyền thống với các nhà cung cấp lớn, công ty vẫn luôn kiểm soát được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong trường hợp giá nguyên vật liệu có sự biến động
- Chủ động sử dụng các công cụ bảo hiểm tỷ giá; tăng dự trữ ngoại tệ thông qua phát triển xuất khẩu, đồng thời giảm dần tỷ lệ nhập khẩu bằng cách chủ động nghiên cứu, nắm bắt, chuyển giao công nghệ để tự sản xuất máy móc thiết bị, từng bước chủ động nguyên vật liệu đầu vào
- Thực hiện các giải pháp quản lý hiệu quả nhằm giữ vững tốc độ tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận và phát triển thị trường.

### Giải pháp

Nhận thức được các rủi ro trên sẽ gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Thiên Long luôn chú trọng công tác quản trị rủi ro. Ngoài ra, với vị thế là một doanh nghiệp có quy mô lớn và là một trong những doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả nhất trong ngành liên tục trong nhiều năm qua, Thiên Long luôn tìm thấy trong sự thách thức khắc nghiệt của thị trường những cơ hội phát triển dựa trên những lợi thế cạnh tranh từ chính năng lực nội tại của mình như:

- Thương hiệu “Thiên Long” có uy tín và luôn là ưu tiên lựa chọn số 1 của khách hàng
- Chất lượng sản phẩm tốt và dịch vụ chu đáo
- Hệ thống phân phối rộng khắp trong cả nước và gắn bó lợi ích chặt chẽ với Công ty

Công ty có một nền tảng quản trị nội bộ tốt, luôn có tính đồng thuận cao, mọi người có trách nhiệm với công việc và tạo được tinh thần hợp tác. Những ưu điểm này giúp khả năng quản trị rủi ro của công ty đạt hiệu quả cao.



## PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 
1. Tóm tắt hoạt động năm 2012
  2. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
  3. Thông tin thành viên Hội đồng Quản trị
  4. Thông tin thành viên Ban Tổng Giám đốc
  5. Thông tin thành viên Ban Kiểm soát
  6. Chính sách nhân sự
  7. Thông tin cổ phần
- 



## 1.Tóm tắt Hoạt động năm 2012

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thiên Long kết thúc năm 2012 với kết quả ấn tượng:

Chỉ tiêu (đvt: triệu VNĐ)	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	949.886	962.581	1,34%
Doanh thu thuần	1.043.592	1.216.345	16,55%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	109.217	132.080	20,93%
Lợi nhuận khác	-966	3.624	
Lợi nhuận trước thuế	108.251	135.704	25,36%
Lợi nhuận sau thuế	80.531	100.153	24,37%
Tỷ lệ trả cổ tức	20%	20%	

- ❖ Doanh thu thuần đạt 1.216.345 triệu đồng, với mức tăng tương ứng 16,55% so với năm 2011
- ❖ Lợi nhuận hợp nhất sau thuế đạt 100.153 triệu đồng, tăng 24,37% so với năm 2011 và vượt 11,28% so với kế hoạch 2012
- ❖ Tình hình sản xuất ổn định và phát triển, tự động hóa được tăng cường
- ❖ Công ăn việc làm của người lao động được đảm bảo

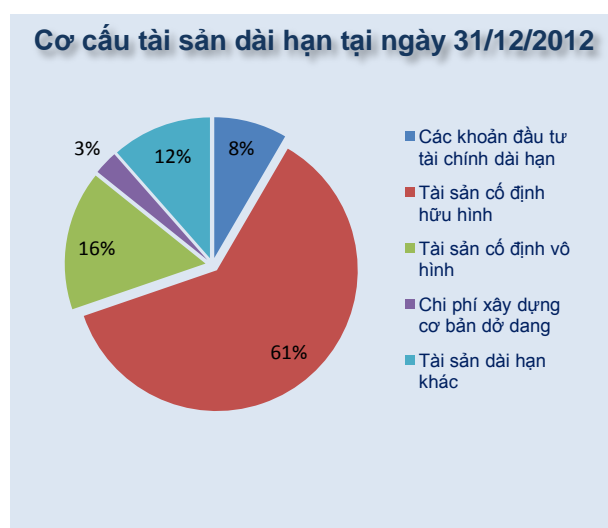
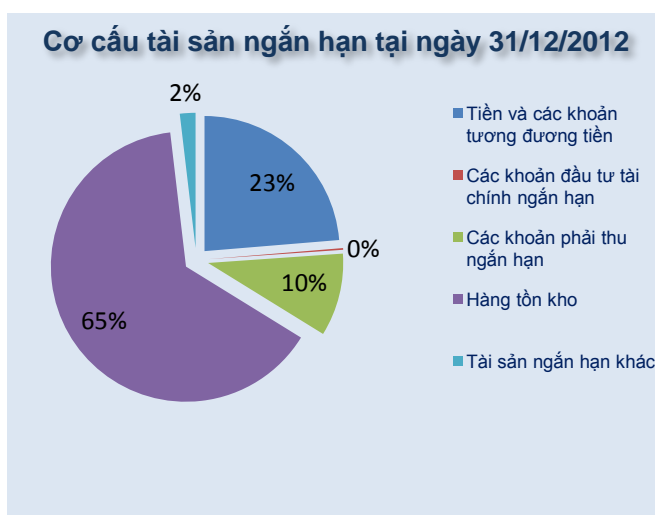
### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2011	Năm 2012
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>			
	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	32,48%	32,44%
	- Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản	%	67,52%	67,56%
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
	- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	98,77%	74,46%
	- Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	49,69%	42,68%
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,38	0,59
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,48	1,69

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2011	Năm 2012
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)</b>			
	- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	18,52%	19,45%
	- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	9,46%	10,47%
	- TSLN từ HĐ kinh doanh/Doanh thu thuần	%	10,47%	10,86 %
	- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,72%	8,23%
<b>5</b>	<b>Vòng quay hoạt động</b>			
	- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,55	1,68
	- Vòng quay Tài sản	Vòng	1,23	1,27

### Cơ cấu tài sản

Tập đoàn sử dụng tỷ trọng nợ vay ngắn hạn cao để tài trợ cho các hoạt động và nhu cầu vốn. Tỷ lệ tổng nợ vay so với nguồn vốn chủ sở hữu đã có bước cải thiện so với năm 2011 theo hướng giảm dần do Tập đoàn đã chủ động cơ cấu lại cấu trúc nguồn vốn. Trong năm 2012, trong diễn biến khó khăn của nền kinh tế, Tập đoàn đã tập trung cắt giảm các tài sản ngắn hạn có yếu tố rủi ro như hàng tồn kho, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn. Một ưu điểm của Thiên Long là các khoản phải thu luôn được duy trì ở mức thấp và rủi ro đến từ các khoản phải thu này rất hạn chế.



### Khả năng thanh toán

Do đặc điểm ngành hàng tiêu dùng, cơ cấu tài sản ngắn hạn thường có hàng tồn kho chiếm tỷ trọng cao nên tác động tới khả năng thanh toán nhanh của Tập đoàn. Trong tình hình khó khăn của năm 2012, dòng tiền và các hệ số thanh toán nhanh, thanh toán hiện hành của Tập đoàn có thể được xem là “lợi ngược dòng”, tăng cao hơn đáng kể so với năm 2011.

Trong tương lai, Công ty vẫn sẽ giữ chính sách duy trì các chỉ tiêu thanh toán nhằm đảm bảo tính thanh khoản và nhu cầu vốn lưu động hợp lý cho sản xuất kinh doanh.

### **Tỷ suất lợi nhuận**

Bên cạnh thực hiện nhiều biện pháp ổn định giá thành, kiểm soát tốt chi phí, Tập đoàn tập trung tái cơ cấu lại nguồn vốn và tài sản nên các tỷ suất lợi nhuận trong năm 2012 được cải thiện. ROE tăng từ 18,52% lên 19,45%, đạt tỷ lệ khá cao trong ngành sản xuất nói chung và bút viết văn phòng phẩm nói riêng.

### **Vòng quay hoạt động**

Vòng quay hàng tồn kho trong năm 2012 có sự tăng trưởng tích cực so với năm 2011, vòng quay tài sản cũng ghi nhận mức tăng nhẹ so với năm 2011

## 2. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

### Các khoản đầu tư lớn

Nhằm nâng cao tính hiệu quả hoạt động, Tập Đoàn Thiên Long đã tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống ERP (Enterprise Resource Planning) SAP và chính thức vận hành vào giữa năm 2012.

Ngoài ra trong năm, Tập đoàn cũng đã chọn lọc đầu tư thêm một số máy móc thiết bị thuộc dự án Nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh bút viết và văn phòng phẩm.

### Tình hình hoạt động các công ty con

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu có vốn điều lệ 20 tỷ, với sở hữu 100% vốn của Công ty mẹ. Thiên Long Hoàn Cầu là mũi nhọn trong việc thực hiện chiến lược chuyên môn hóa thương mại của Tập đoàn. Trong tình hình kinh tế đầy khó khăn, Thiên Long Hoàn Cầu vẫn đạt được tỷ lệ tăng trưởng doanh thu gần 13%. Qua những nỗ lực của Thiên Long Hoàn Cầu, Tập đoàn tiếp tục kiện toàn và mở rộng hệ thống phân phối và điểm bán. Cùng với chính sách bán hàng linh hoạt, các hoạt động hỗ trợ nhà phân phối trong năm đã mang lại kết quả tích cực, góp phần đạt mục tiêu tăng trưởng của Tập đoàn.

Công ty TNHH SXTM Thiên Long Long Thành có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai, có vốn điều lệ 80 tỷ với sở hữu 100% vốn của Công ty mẹ. Nhà máy chuyên sản xuất các loại văn phòng phẩm và một số chủng loại bút viết phục vụ xuất khẩu. Với mục tiêu tăng tỷ trọng văn phòng phẩm trong cơ cấu doanh thu của Tập đoàn, Thiên Long Long Thành sẽ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển dài hạn của Tập đoàn. Trong năm 2012, doanh thu thuần của Thiên Long Long Thành đạt 333.143 triệu đồng, tăng 4% so với năm 2011.

Bên cạnh đó, Tập đoàn Thiên Long còn góp 100% vốn vào hệ thống công ty Tân Lực, nhằm tập trung vào mảng bán hàng trực tiếp cho các doanh nghiệp (B2B) và bán lẻ, từng bước bao phủ các kênh tiêu thụ, tạo thế đứng vững chắc cho Tập Đoàn Thiên Long ở thị trường trong nước. Trong năm 2012, doanh thu thuần của hệ thống Tân Lực đạt hơn gấp 2,5 lần so với doanh thu thuần thực hiện năm 2011.



### 3. Thông tin thành viên Hội đồng Quản trị



ÔNG: CÔ GIA THỌ

Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**

ÔNG: TRẦN KIM THÀNH

Chức vụ: **Phó chủ tịch HĐQT**



ÔNG: TRẦN LỆ NGUYÊN

Chức vụ: **Thành viên**



ÔNG: HUỖNH VĂN THIỆT

Chức vụ: **Thành viên**



BÀ: TRẦN THÁI NHƯ

Chức vụ: **Thành viên**





BÀ: CÔ NGÂN BÌNH

Chức vụ: **Thành viên**

ÔNG: PHẠM QUANG THANH

Chức vụ: **Thành viên**



ÔNG: VÕ VĂN THÀNH NGHĨA

Chức vụ: **Thành viên**



BÀ: CÔ CẨM NGUYỆT

Chức vụ: **Thành viên**



## Lý lịch thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Hội đồng Quản trị	Chức vụ	Ghi chú
01	Ông: Cô Gia Thọ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
02	Ông: Trần Kim Thành	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	TVHĐQT Độc lập
03	Ông: Trần Lệ Nguyên	Thành viên Hội đồng Quản trị	TVHĐQT Độc lập
04	Ông: Huỳnh Văn Thiện	Thành viên Hội đồng Quản trị	TVHĐQT Độc lập
05	Bà: Trần Thái Như	Thành viên Hội đồng Quản trị	
06	Bà: Cô Ngân Bình	Thành viên Hội đồng Quản trị	
07	Ông: Phạm Quang Thanh	Thành viên Hội đồng Quản trị	
08	Ông: Võ Văn Thành Nghĩa	Thành viên Hội đồng Quản trị	
09	Bà: Cô Cẩm Nguyệt	Thành viên Hội đồng Quản trị	

### 1. Ông Cô Gia Thọ

**Chức vụ:** Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**Năm sinh:** 1958

**CMND:** 022031273

**Sở hữu cá nhân:** 1.366.290 CP (6,45% VĐL của Công ty)

**Đại diện sở hữu:** 11.106.975 CP (52,44% VĐL của Công ty, đại diện Công ty CP Đầu tư Thiên Long An Thịnh)

#### Quá trình công tác:

1981 - 1996: Chủ cơ sở sản xuất Bút Bi Thiên Long

1996 - 2003: Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH SX-TM Thiên Long, Phó chủ tịch Hội Doanh nghiệp Trẻ TP. Hồ Chí Minh

2003 - 2008: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP SX - TM Thiên Long

2008 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

#### Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Thiên Long An Thịnh
- Thành viên HĐQT Công ty CP Kinh Đô

#### Họ tên người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	% Vốn điều lệ
01	Trần Thái Như	Vợ	280.688	1,33%
02	Cô Ngưu Tu	Cha	60.000	0,28%
03	Cô Ngân Bình	Em ruột	240.000	1,13%

04	Cô Phụng Bình	Em ruột	15.840	0,07%
05	Cô Cẩm Châu	Em ruột	14.400	0,07%
06	Cô Cẩm Ngọc	Em ruột	103.200	0,49%
07	Cô Gia Đức	Em ruột	60.000	0,28%
08	Cô Cẩm Nguyệt	Em ruột	120.000	0,57%
09	Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Long An Thịnh	Chủ tịch HĐQT	11.106.975	52,44%

## 2. Ông Trần Kim Thành

**Chức vụ:** Phó chủ tịch HĐQT

**Năm sinh:** 1960

**CMND:** 022007873

**Sở hữu cá nhân:** 0 CP

**Đại diện sở hữu:** 264.000 CP (1,25% VDL của Công ty, đại diện Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô)

### Quá trình công tác:

1978 - 1993: Kinh doanh Cơ sở bánh kẹo

1993 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu Tư Kinh Đô

### Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kinh Đô
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Địa ốc Kinh Đô
- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Quốc tế truyền thông IMC

### Họ tên người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	% Vốn điều lệ
01	Trần Vinh Nguyên	Em ruột	26.400	0,12%
02	Trần Quốc Nguyên	Em ruột	21.576	0,10%
03	Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	Tổng Giám đốc	264.000	1,25%

## 3. Ông Trần Lệ Nguyên

**Chức vụ:** Thành viên HĐQT

**Năm sinh:** 1968

**CMND:** 023062528

**Sở hữu cá nhân:** 0 CP

**Đại diện sở hữu:** 455.281 CP (2,15% VDL của Công ty, đại diện Công ty CP Kinh Đô)

### Quá trình công tác:

1985 - 1990: Làm kỹ thuật sản xuất tại Cơ sở sản xuất bánh ngọt Đô Thành

1990 - 1991: Làm kỹ thuật sản xuất tại Xí nghiệp chế biến thực phẩm Quận 1

1992 - nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Kinh Đô

### Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kinh Đô

- Thành viên HĐQT Công ty CP Địa ốc Kinh Đô
- Thành viên HĐQT Công ty CP Hùng Vương

Họ tên người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	% Vốn điều lệ
01	Trần Vinh Nguyên	Anh ruột	26.400	0,12%
02	Trần Quốc Nguyên	Em ruột	21.576	0,10%
03	Công ty Cổ phần Kinh Đô	Tổng Giám đốc	455.281	2,15%

#### 4. Ông Huỳnh Văn Thiện

**Chức vụ:** Thành viên HĐQT

**Năm sinh:** 1956

**CMND:** 021866587

**Cổ phiếu nắm giữ:** 601.500CP

**Tỷ lệ:** 2,84%

**Họ tên người có liên quan:** Không có

**Quá trình công tác:**

1977 - 1982: Phục vụ quân đội - Cục Chính trị

1982 - 1987: Phóng viên Tòa soạn Báo Tuổi Trẻ

1988 - 1989: Trưởng phòng Tổ chức nhân sự Công ty Chợ Dân Sinh, Quận 1

1989 - 1993: Phó Giám đốc Công ty TM và DV Tp.HCM

1993 - 31/12/2008: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dầu nhớt và Hóa chất Việt Nam (Vilube)

15/12/2006 – 20/08/2010 : Chủ tịch Quỹ Bản Việt (VCF)

16/07/2006 – 12/2012: Thành viên HĐQT Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt (VCAM)

**Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:**

- Chủ tịch HĐQT Công ty Viet Land Capital
- Đồng Chủ tịch HĐQT Viet Land Development Corp.
- Thành viên HĐQT Công ty Euro Auto (BMW)

#### 5. Bà Trần Thái Như

**Chức vụ:** Thành viên HĐQT

**Năm sinh:** 1959

**CMND:** 021667114

**Cổ phiếu nắm giữ:** 280.688CP

**Tỷ lệ:** 1,33%

Họ tên người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	% Vốn điều lệ
01	Cô Gia Thọ	Chồng	1.366.290	6,45%
02	Trần Xú Tài	Em ruột	14.400	0,07%

## 6. Bà Cô Ngân Bình

**Chức vụ:** Thành viên HĐQT

**Năm sinh:** 1961

**CMND:** 022031274

**Cổ phiếu nắm giữ:** 240.000CP

**Tỷ lệ:** 1,13%

### Quá trình công tác:

1981 - 2001: Quản đốc sản xuất Cơ sở Bút bi Thiên Long

2002 - 2003: Trợ lý Giám đốc điều hành Công ty TNHH SX - TM Thiên Long

2004 - 2005: Trưởng phòng Đảm bảo Chất lượng Công ty CP SX - TM Thiên Long

2005 - 2006: Trợ lý Giám đốc điều hành Công ty CP SX-TM Thiên Long

2007 - 2008: Trưởng Ban Xây dựng cơ bản Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

2008 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

### Họ và tên người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	% Vốn điều lệ
01	Cô Gia Thọ	Anh ruột	1.366.290	6,45%
02	Cô Ngưu Tu	Cha	60.000	0,28%
03	Cô Phụng Bình	Em ruột	15.840	0,07%
04	Cô Cẩm Châu	Em ruột	14.400	0,07%
05	Cô Cẩm Ngọc	Em ruột	103.200	0,49%
06	Cô Gia Đức	Em ruột	60.000	0,28%
07	Cô Cẩm Nguyệt	Em ruột	120.000	0,57%

## 7. Ông Phạm Quang Thanh

**Chức vụ:** Thành viên HĐQT

**Năm sinh:** 1981

**CMND:** 011989099

**Sở hữu cá nhân:** 0 CP

**Sở hữu của tổ chức/ cá nhân có liên quan:**

1.238.699 CP (5,85% VDL của Công ty; xem chi tiết Công ty/ người có liên quan)

### Quá trình công tác:

2003 - 2005: Kinh tế viên Phòng Quản lý dự án - Trung tâm đầu tư - Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam

2006 - 2007: Phó Phòng Đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

Từ 2007 - nay:

- Trưởng Phòng Đầu tư cổ phiếu 2
- Trưởng Phòng Phân tích cổ phiếu và Đầu tư BĐS
- Giám đốc Đầu tư cổ phiếu, BĐS và Tài sản khác Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt

### Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du lịch Golf Việt Nam (VNG)
- Thành viên HĐQT Công ty CP Xây dựng số 1 (VC1)

**Họ và tên người có liên quan:**

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	% Vốn điều lệ
01	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	Giám đốc Đầu tư cổ phiếu, BĐS và Tài sản khác - Cty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	650.522	3,07%
02	Quỹ Đầu tư chứng khoán Bảo Việt - BVF1	Giám đốc Đầu tư cổ phiếu, BĐS và Tài sản khác - Cty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt	588.177	2,78%

**8. Ông Võ Văn Thành Nghĩa****Chức vụ:** Thành viên HĐQT**Năm sinh:** 1964**CMND:** 023140240**Cổ phiếu nắm giữ:** 680.777 CP**Tỷ lệ:** 3,21%**Họ và tên người có liên quan:** không có**Quá trình công tác:**

1989 - 2007: Làm việc và tư vấn cho Ernst &amp; Young, BRL Hardys, Saigontourist, Fosco, Nguyễn Kim, Hội Marketing Việt Nam

2008 – T4/2012: Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

**9. Bà Cô Cẩm Nguyệt****Chức vụ:** Thành viên HĐQT**Năm sinh:** 1972**CMND:** 022587993**Cổ phiếu nắm giữ:** 120.000 CP**Tỷ lệ:** 0,57%**Quá trình công tác:**

1993 - 2006: Thủ quỹ Công ty CP SX - TM Thiên Long

2007 - 2008: Chuyên viên đầu tư - Thành viên HĐQT Công ty CP SX - TM Thiên Long

2008 - nay: Chuyên viên đầu tư - Thành viên HĐQT Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

**Họ và tên người có liên quan:**

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	% Vốn điều lệ
01	Cô Gia Thọ	Anh ruột	1.366.290	6,45%
02	Cô Ngưu Tu	Cha	60.000	0,28%
03	Cô Ngân Bình	Chị	240.000	1,13%
04	Cô Phụng Bình	Chị	15.840	0,07%
05	Cô Cẩm Châu	Chị	14.400	0,07%
06	Cô Cẩm Ngọc	Chị	103.200	0,49%
07	Cô Gia Đức	Anh	60.000	0,28%
08	Phan Nhật Phương	Chồng	152.400	0,72%

#### 4. Thông tin thành viên Ban Tổng Giám đốc

ÔNG: VÕ VĂN THÀNH NGHĨA

Chức vụ: Tổng Giám Đốc



ÔNG: NGUYỄN ĐÌNH TÂM

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc  
Sản xuất



ÔNG: PHAN NHẬT PHƯƠNG

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc  
Mua hàng



ÔNG: BÙI VĂN HƯƠNG

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc  
Hành chính - Nhân sự kiêm  
Quản lý Chất lượng Toàn diện





**ÔNG: HỒ NGỌC CẢNH**

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc Tài chính Kế toán kiêm Kế toán trưởng



**ÔNG: NGUYỄN THƯỢNG VIỆT**

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc Phát triển Kinh doanh Nội địa kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV TM DV Tân Lực Miền Nam



**ÔNG: TRẦN TRUNG HIỆP**

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc Phát triển Kinh doanh Quốc tế



**ÔNG: TRƯƠNG ANH HÀO**

Chức vụ: Tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV TMDV Thiên Long Hoàn Cầu



**ÔNG: TẠ QUANG THIÊN**

Chức vụ: Tổng Giám Đốc Công ty TNHH SXTM Thiên Long Long Thành



**ÔNG: ĐẶNG THANH CẢNH**

Chức vụ: Tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV TM DV Tân Lực Miền Bắc

### **Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc năm 2012**

- Ông Nguyễn Thượng Việt được bổ nhiệm vào vị trí Phó TGD Phát triển Kinh doanh Nội địa (bổ nhiệm mới)
- Ông Hồ Ngọc Cảnh được bổ nhiệm vào vị trí Phó TGD Tài chính Kế toán, thay thế cho ông Võ Văn Thành Nghĩa (Tổng Giám đốc Điều hành kiêm nhiệm)
- Ông Trần Trung Hiệp được bổ nhiệm vào vị trí Phó TGD Phát triển Kinh doanh Quốc tế, thay thế cho ông Võ Văn Thành Nghĩa (Tổng Giám đốc Điều hành kiêm nhiệm)

## Lý lịch Ban Tổng Giám đốc

### 1. Ông Võ Văn Thành Nghĩa

**Chức vụ:** Tổng Giám đốc

Đã trình bày tại Lý lịch thành viên Hội đồng Quản trị

### 2. Ông Nguyễn Đình Tâm

**Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc

**Năm sinh:** 1966

**CMND:** 021593852

**Cổ phiếu nắm giữ:** 110.792 CP

**Tỷ lệ:** 0,52 %

**Quá trình công tác:**

1996 - 1997: Quản đốc Công ty TNHH TM - SX Thiên Long

1997 - 2000: Phó Giám đốc Công ty TNHH TM - SX Thiên Long

2000 - 2001: Phó Giám đốc Kỹ thuật Công ty TNHH TM - SX Thiên Long

2002 - 2008: Giám đốc Nghiên cứu và Phát triển (R&D) Công ty CP SX - TM Thiên Long

2008 - nay: Phó Tổng Giám đốc Sản xuất Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

**Họ và tên người có liên quan:**

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	% Vốn điều lệ
01	Trần Đình Long	Em	96	0,0004%

### 3. Ông Phan Nhựt Phương

**Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc

**Năm sinh:** 1973

**CMND:** 022389356

**Cổ phiếu nắm giữ:** 152.400 CP

**Tỷ lệ:** 0,72%

**Quá trình công tác:**

1994 - 1994: Chuyên viên bảo trì tại Công ty ô tô Sài Gòn

1995 - 1996: Chuyên viên bán hàng tại Công ty Formosa

1996 - 1998: Chuyên viên xuất nhập khẩu Công ty TNHH SX - TM Thiên Long

1998 - 2001: Phó phòng Kinh doanh Công ty TNHH SX - TM Thiên Long

2002 - 2008: Giám đốc Cung ứng Công ty CP SX - TM Thiên Long

2008 - nay: Phó Tổng Giám đốc Mua hàng Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

**Họ và tên người có liên quan:**

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	% Vốn điều lệ
01	Cô Cẩm Nguyệt	Vợ	120.000	0,57%
02	Phan Nhựt Toàn	Anh	1.200	0,006%

#### 4. Ông Bùi Văn Huống

**Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc

**Năm sinh:** 1970

**CMND:** 024545594

**Cổ phiếu nắm giữ:** 21.640CP

**Tỷ lệ:** 0,1%

**Họ và tên người có liên quan:** Không có

#### **Quá trình công tác:**

1995 - 1997: Trưởng phòng Kinh doanh - Công ty sản xuất Khăn Giấy Thơm Luxta

1997 - 1999: Quản đốc sản xuất - Công ty Điện tử Escatec Việt Nam

1999 - 2005: Trưởng phòng đảm bảo chất lượng - Công ty Nitto Denko Việt Nam

2005 - 2007: Giám đốc đảm bảo chất lượng - Công ty Nitto Denko Việt Nam

2007 - 2008: Giám đốc quản lý chất lượng toàn diện Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

2008 - nay: Phó Tổng Giám đốc Hành chính nhân sự kiêm quản lý chất lượng toàn diện Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

#### 5. Ông Hồ Ngọc Cảnh

**Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

**Năm sinh:** 1978

**CMND:** 271331058

**Cổ phiếu nắm giữ:** 18.112 CP

**Tỷ lệ:** 0,08%

**Họ và tên người có liên quan:** Không có

#### **Quá trình công tác:**

2002 - 2004: Kế toán Tổng hợp, Công ty TNHH SX - TM Thiên Long

2005: Kế toán Trưởng, Chi nhánh Công ty CP SX - TM Thiên Long tại Hải Phòng

2005 - 2010: Kế toán Tổng hợp, Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

2010 - 2012: Kế toán trưởng Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

2012: Phó Tổng Giám đốc Tài chính Kế toán kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

#### 6. Ông Nguyễn Thượng Việt

**Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH TMDV Tân Lực Miền Nam

**Năm sinh:** 1974

**CMND:** 025028646

**Cổ phiếu nắm giữ:** 67.507 CP

**Tỷ lệ:** 0,32 %

#### **Quá trình công tác:**

1996 - 2007: Giám đốc sản xuất Công ty CP SX - TM Thiên Long

2007 - 2008: Giám đốc chuỗi cung ứng Công ty TNHH TM DV Thiên Long Hoàn Cầu

2008 - 2011: Tổng Giám đốc Công ty CP SX - TM Thiên Long Thành

2011 - 2012: Tổng Giám đốc Công ty TNHH TM DV Tân Lực Miền Nam

2012 - nay: Phó Tổng Giám đốc Phát triển kinh doanh nội địa kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH TM DV Tân Lực Miền Nam

**Họ và tên người có liên quan:**

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	% Vốn điều lệ
01	Võ Bửu Chiêu	Vợ	1.848	0,008%

### 7. Ông Trần Trung Hiệp

**Chức vụ:** Phó Tổng Giám đốc

**Năm sinh:** 1978

**CMND:** 023780827

**Cổ phiếu nắm giữ:** 13.400 CP

**Tỷ lệ:** 0,063%

**Quá trình công tác:**

2005 - 2006: Giám Đốc chi nhánh Công ty Thiên Long tại Hà Nội

2007 - 2008: Giám đốc Kinh doanh Nội địa Công ty CP SX - TM Thiên Long

2009 - 2012: Trưởng VPĐD Công ty CP Tập đoàn Thiên Long tại Trung Quốc

2012 - nay: Phó Tổng Giám đốc Phát triển Kinh doanh Quốc tế Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

### 8. Ông Trương Anh Hào

**Chức vụ:** Tổng Giám đốc công ty TNHH

TMDV Thiên Long Hoàn Cầu

**Năm sinh:** 1973

**CMND:** 022706654

**Cổ phiếu nắm giữ:** 27.000 CP

**Tỷ lệ:** 0,127%

**Quá trình công tác:**

1995 - 1997: Đại diện bán hàng Công ty Thép Việt

1997 - 2005: Nhân viên Công ty CP SX - TM Thiên Long

2005 - 2008: Giám đốc Kinh doanh Công ty CP Tập Đoàn Thiên Long

2008 - nay: Tổng Giám đốc Công ty TNHH TMDV Thiên Long Hoàn Cầu

### 9. Ông Tạ Quang Thiên

**Chức vụ:** Tổng Giám đốc Công ty TNHH SXTM

Thiên Long Long Thành

**Năm sinh:** 1975

**CMND:** 024241844

**Cổ phiếu nắm giữ:** 12.000 CP

**Tỷ lệ:** 0,056%

**Quá trình công tác:**

1996 - 2003: Nhân viên kế toán Công ty TNHH SX-TM Thiên Long

2003 - 2008: Giám đốc Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng Công ty CP SX – TM Thiên Long

2008 - 2009 : Kế toán trưởng Công ty TNHH TM-DV Thiên Long Hoàn Cầu

2009 – 2012 : Phó Tổng Giám đốc Tài chính Kế toán Công ty

TNHH SXTM Thiên Long Long Thành

2012 – nay : Tổng Giám đốc Công ty TNHH SXTM Thiên Long Long Thành

## **10. Ông Đặng Thanh Cảnh**

**Chức vụ:** Tổng Giám đốc Công ty TNHH TMDV

Tân Lực Miền Bắc

**Năm sinh:** 1974

**CMND:** 272189416

**Cổ phiếu nắm giữ:** 5.383 CP

**Tỷ lệ:** 0,027%

### **Quá trình công tác:**

1999 - 2004: nhân viên P.KD- Cty CP SXTM Thiên Long

2005 - 2006: Giám Đốc chi nhánh Nha Trang – Công ty CP SXTM Thiên Long

2007: Giám Đốc Chi nhánh Hà Nội – Công ty CP SXTM Thiên Long

2008 - 2010: Giám Đốc Bán hàng Miền Bắc 1 - Công ty TNHH TMDV Thiên Long Hoàn Cầu

2011 - nay: Tổng Giám Đốc Công ty TNHH TMDV Tân Lực Miền Bắc

## 5. Thông tin thành viên Ban Kiểm soát

BÀ: NGUYỄN THỊ BÍCH NGÀ

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát



ÔNG: LÝ VĂN DŨ

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát



ÔNG: TẠ HOÀNG SƠN

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát



## Lý lịch Ban Kiểm soát

### 1. Bà Nguyễn Thị Bích Ngà

**Chức vụ:** Trưởng Ban Kiểm soát

**Năm sinh:** 1973

**CMND:** 022539430

**Cổ phiếu nắm giữ:** 15.360CP

**Tỷ lệ:** 0,07%

**Quá trình công tác:**

1992 - 2007: Kế toán thanh toán Công ty CP SX - TM Thiên Long

2007 - 2009: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

2009 - 2010: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

2010 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

**Họ và tên người có liên quan:**

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	% Vốn điều lệ
01	Bùi Quang Minh	Chồng	1.952	0,009%

### 2. Ông Lý Văn Dũ

**Chức vụ:** Thành viên Ban Kiểm soát

**Năm sinh:** 1966

**CMND:** 024989162

**Cổ phiếu nắm giữ:** 2.400 CP

**Tỷ lệ:** 0,01%

**Họ và tên người có liên quan:** Không có

**Quá trình công tác:**

2000 - 2002: Trưởng phòng bán hàng và tiếp thị Công ty TNHH DV & TM Hoàng Hà

2002 - 2006: Trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thành Lợi

2006 - 2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP TM Địa Mã. Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

2009 - nay: Đại diện Phát triển kinh doanh (Văn phòng Trung Quốc) - Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Tập đoàn Thiên Long

### 3. Ông Tạ Hoàng Sơn

**Chức vụ:** Thành viên Ban Kiểm soát

**Năm sinh:** 1962

**CMND:** 021449290

**Cổ phiếu nắm giữ:** 2.400CP

**Tỷ lệ:** 0,01%

**Họ và tên người có liên quan:** Không có

**Quá trình công tác:**

1981 - 2000: Kế toán trưởng Công ty Caric

2000 - 2002: Kế toán trưởng Công ty Thép Việt Bình Dương

2003 - 2008: Kế toán trưởng Công ty Vilube

2008 - nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính Công ty Vilube



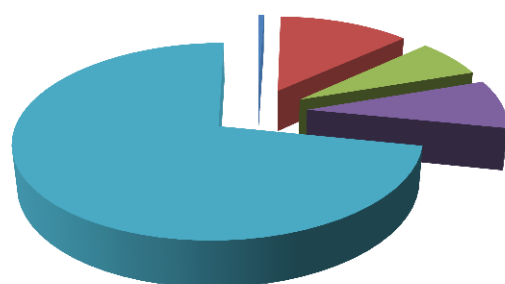
## 6. Chính sách nhân sự

### Thống kê lao động

Tổng số lao động của Tập đoàn tại thời điểm 31/12/2012 là 2.950 lao động, trong đó:

- Trên đại học: 15 người
- Đại học: 363 người
- Cao đẳng: 191 người
- Trung cấp: 242 người
- Phổ thông: 2,124 người

**Nguồn nhân lực**



■ Trên đại học      ■ Đại học      ■ Cao đẳng  
■ Trung cấp      ■ Phổ thông TH

### Chính sách đối với người lao động

#### Chính sách khen thưởng

Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Tập đoàn gia tăng hiệu quả đóng góp, Tập đoàn có chính sách thưởng định kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể khi thực hiện công việc đạt được hiệu quả cao, có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

#### Chế độ bảo hiểm xã hội, chăm sóc sức khỏe

Ngoài chế độ bảo hiểm bắt buộc, Tập đoàn còn mua thêm cho toàn thể CBCNV loại hình Bảo hiểm 24/24 nhằm hỗ trợ phần nào các chi phí điều trị cũng như việc suy giảm khả năng lao động của CBCNV khi có bất kỳ rủi ro nào xảy ra.

Hàng năm, Tập đoàn tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV nhằm phát hiện bệnh lý để kịp thời chăm sóc và điều trị.

Ngoài ra, Tập đoàn cũng tạo điều kiện cho CBCNV đi nghỉ mát hàng năm, tổ chức các hội thi văn nghệ, thể dục thể thao nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết tập thể và rèn luyện sức khỏe.

### **Chính sách lương và phụ cấp**

Tập đoàn xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người, tạo được sự khuyến khích cán bộ công nhân viên của Tập đoàn làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Đối với công nhân viên trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, ngoài mức lương cố định, Tập đoàn còn thực hiện chính sách trả lương hiệu quả theo năng suất lao động và sự tuân thủ nội quy lao động.

Hàng năm, Tập đoàn thực hiện soát xét mức lương chung toàn Tập đoàn, qua đó đánh giá năng lực từng CBCNV để có quyết định điều chỉnh lương phù hợp.

### **Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực**

Tập đoàn chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bao gồm đào tạo nhân viên mới và đào tạo thường xuyên, luôn ưu tiên phát triển nguồn nhân lực nội bộ bằng cách ưu tiên tuyển dụng trong nguồn nhân sự nội bộ mỗi khi có vị trí nào cần tuyển dụng thêm. Tập đoàn luôn tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp cho nhân viên.



## 7. Thông tin cổ phần

### Các thông tin về cổ phiếu (tính đến ngày 30/10/2012)

Vốn điều lệ	: 211.799.700.000 đồng
Mã chứng khoán	: TLG
Sàn niêm yết	: HOSE
Ngày bắt đầu niêm yết	: 26/03/2010
Số lượng cổ phiếu niêm yết	: 21.179.970
Số lượng cổ phiếu quỹ, số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	: 0
Số lượng cổ phiếu lưu hành	: 21.179.970

### Thông tin về cổ tức

- Cổ tức năm 2009: 1.800 đồng/cổ phần
- Cổ tức năm 2010: 2.000 đồng/cổ phần
- Cổ tức năm 2011: 1.000 đồng/cổ phần  
10% bằng cổ phiếu
- Cổ tức năm 2012: 1.000 đồng/cổ phần (*dự kiến*)  
10% bằng cổ phiếu (*dự kiến*)

### Cơ cấu cổ đông (chốt ngày 30/10/2012)

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ/Vốn cổ phần
<b>Cổ đông trong nước</b>			
– Tổ chức	18	14.626.032	69,06%
– Cá nhân	456	5.518.139	26,05%
<b>Cổ đông nước ngoài</b>			
– Tổ chức	8	995.407	4,70%
– Cá nhân	14	40.392	0,19%
<b>Tổng cộng</b>	<b>496</b>	<b>21.179.970</b>	<b>100%</b>

## Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ (tính đến ngày 31/12/2012)

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Công ty CP Đầu tư Thiên Long An Thịnh Đại diện sở hữu: Ông Cô Gia Thọ	Lầu 15, 2 Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM	11.106.975	52,44%
Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt	94 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.493.850	7,05%
Cô Gia Thọ	Số 07 Đường số 10, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM	1.366.290	6,45%
<b>Tổng cộng</b>		<b>13.967.115</b>	<b>65,94%</b>

(\*) Thông tin cập nhật theo Báo cáo Quản trị Công ty đến ngày 31/12/2012

## Tỷ lệ sở hữu của Hội đồng Quản trị (tính đến ngày 31/12/2012)

Chức danh	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Chủ tịch	Cô Gia Thọ	Số 07 Đường số 10, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM	Sở hữu cá nhân: 1.366.290; Đại diện sở hữu: 11.106.975	58,89%
Phó Chủ tịch	Trần Kim Thành	Đại diện Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô	264.000	1,25%
Thành viên	Trần Lệ Nguyên	Đại diện Công ty CP Kinh Đô	455.281	2,15%
Thành viên	Huỳnh Văn Thiện	38/6 C Nguyễn Văn Trỗi, Q Phú Nhuận, Tp.HCM	601.500	2,84%
Thành viên	Trần Thái Như	Số 07 Đường số 10, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. HCM	280.688	1,33%
Thành viên	Cô Ngân Bình	743/31P/5 Hồng Bàng, Phường 6, Quận 6, Tp.HCM	240.000	1,13%
Thành viên	Phạm Quang Thanh	18 Ngõ 2 Hoa Lư, P Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội	0	0
Thành viên	Võ Văn Thành Nghĩa	46J Trần Quốc Tuấn, Phường 1, Q Gò Vấp, Tp.HCM	680.777	3,21%
Thành viên	Cô Cẩm Nguyệt	Số 78, Đường 7A, P Bình Trị Đông B, Q Bình Tân, Tp.HCM	120.000	0,57%
<b>Tổng cộng</b>			<b>15.115.511</b>	<b>71,37%</b>

(\*) Thông tin cập nhật theo Báo cáo Quản trị Công ty đến ngày 31/12/2012

## Tỷ lệ sở hữu của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tính đến ngày 31/12/2012)

Chức danh	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Tổng Giám đốc	Võ Văn Thành Nghĩa	46J Trần Quốc Tuấn, Phường 1, Q Gò Vấp, Tp.HCM	680.777	3,21%
Phó Tổng Giám đốc	Nguyễn Đình Tâm	189, Đường 29, P Bình Trị Đông B, Q Bình Tân, Tp.HCM	110.792	0,52%
Phó Tổng Giám đốc	Phan Nhật Phương	Số 78, Đường 7A, P Bình Trị Đông B, Q Bình Tân, Tp.HCM	152.400	0,72%
Phó Tổng Giám đốc	Bùi Văn Huống	279/41 Lô A4 C/cư Âu Cơ, Phường 5, Quận 11, Tp.HCM	21.640	0,10%
Phó Tổng Giám đốc	Nguyễn Thượng Việt	Số 132, Đường 28, P Bình Trị Đông B, Q Bình Tân, Tp.HCM	67.507	0,32%
PTGD kiêm KT trưởng	Hồ Ngọc Cảnh	77 Long Đức 1, xã Tam Phước, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai	18.112	0,08%
Phó Tổng Giám đốc	Trần Trung Hiệp	Số 9, Đường 32B, P Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, Tp.HCM	13.400	0,06%
Tổng Giám đốc Công ty Thiên Long Hoàn Cầu	Trương Anh Hào	Số 33, Đường 32B, P Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, Tp.HCM	27.000	0,13%
Tổng Giám đốc Công ty Thiên Long Long Thành	Tạ Quang Thiên	77 Phú Định, Phường 16, quận 8, TP. HCM	12.000	0,06%
Tổng Giám đốc Công ty Tân Lực Miền Bắc	Đặng Thanh Cảnh	210, K2, Thống nhất Biên Hòa, Đồng Nai	5.383	0,03%
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.109.011</b>	<b>5,23%</b>

(\*) Thông tin cập nhật đến ngày 31/12/2012

## Tỷ lệ sở hữu của Ban Kiểm soát (tính đến ngày 31/12/2012)

Chức danh	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Trưởng BKS	Nguyễn Thị Bích Ngà	53/24 Nguyễn Hồng Đào, Phường 14, Q Tân Bình, TPHCM	15.360	0,07%
Thành viên	Lý Văn Dũ	345 Lầu 3, Lô D, chung cư Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Tp.HCM	2.400	0,01%
Thành viên	Tạ Hoàng Sơn	361/39/6 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Tp.HCM	2.400	0,01%
<b>Tổng cộng</b>			<b>20.160</b>	<b>0,09%</b>

(\*) Thông tin cập nhật theo Báo cáo Quản trị Công ty đến ngày 31/12/2012

**Giao dịch cổ phiếu những người có liên quan đến HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng trong năm 2012:** Chi tiết giao dịch trình bày tại phần V (Quản trị Công ty)

### **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Cuối 2012, Tập đoàn hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 176.500.000.000 VNĐ lên 211.799.700.000 VNĐ thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2/2011 và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2011, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đã phân phối phát hành trả cổ tức: 1.764.985 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã phân phối phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu: 1.764.985 cổ phiếu
- Phương thức xử lý cổ phiếu lẻ: 30 cổ phiếu lẻ bị hủy

Ngày 25/12/2012, 3.529.970 cổ phần TLG được niêm yết bổ sung

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

**Các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm:** không có

## PHẦN III. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị



## 1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty



Năm 2012 là năm nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực đồng Euro, bất động sản đóng băng, vàng biến động mạnh, thâm hụt ngân sách, tái cấu trúc ngân hàng ... Những ảnh hưởng từ kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước đã làm sức mua giảm sút nghiêm trọng.

Trong hoàn cảnh khó khăn này, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được giữ vững ổn định và phát triển với các những thành tích ấn tượng:

- Doanh thu thuần của Tập đoàn đạt 1.216.345 triệu đồng, tăng 16,55% so với cùng kỳ
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty đạt 100.153 triệu đồng, vượt 11,28% so với kế hoạch
- Doanh thu xuất khẩu đạt 136.986 triệu đồng, tăng trưởng với tốc độ cao lên đến 75% so với năm 2011.

Bên cạnh đó, Thiên Long đã hoàn thành sớm mục tiêu chiến lược của Tập đoàn, trở thành một trong những công ty có môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động. Trong bối cảnh cả triệu người lao động rơi vào cảnh thất nghiệp, các chế độ lương, thưởng, phúc lợi, đào tạo của Cán bộ công nhân viên Thiên Long đều được đảm bảo, môi trường làm việc ngày càng được cải thiện.





## 2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các thành quả ấn tượng nói trên ghi đậm dấu ấn những nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo và gần 3.000 lao động của Tập đoàn Thiên Long. Chính sự đồng tâm hiệp lực, tâm huyết, cùng nhau chia sẻ khó khăn của đội ngũ cán bộ công nhân viên Thiên Long, kỹ năng quản trị doanh nghiệp của Ban Tổng Giám đốc, sự tin nhiệm của thị trường, của người tiêu dùng đối với Thiên Long và nền tảng mà Thiên Long đã tạo dựng hơn 30 năm qua chính là cơ sở vững chắc để Tập đoàn vượt qua những năm đầy khó khăn của kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Thành công của Thiên Long trong năm 2012 không chỉ là *Vượt qua khủng hoảng* mà quan trọng hơn, thành công của Thiên Long là tiếp tục tạo lập một nền tảng vững chắc để *Chấp cánh vươn xa*.

Thiên Long đã chuẩn bị sẵn sàng mọi nguồn lực bên trong nội bộ Tập đoàn, từ sản xuất, nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, đến tuyển dụng và đào tạo, tái cơ cấu tài chính, quản lý an toàn và chất lượng...

Đồng thời, Thiên Long cũng đã chuẩn bị các nền tảng bên ngoài như hoàn thiện hệ thống phân phối, phát triển tất cả các kênh thương mại nội địa, từ hệ thống phân phối truyền thống đến hiện đại, từ hệ thống phân phối sỉ lẫn bán lẻ đến tận tay người tiêu dùng. Vị thế của Thiên Long được khẳng định trên thị trường quốc tế, công tác chuẩn bị thị trường cho các sản phẩm mới và thị trường mới được triển khai một cách bài bản và tích cực

Với những kết quả đáng tự hào, có thể nói năm 2012 Ban Điều hành Tập đoàn đã cơ bản hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, tiến gần hơn đến 4 mục tiêu trong chiến lược 5 năm của Tập đoàn. Từ các kết quả đạt được trong năm 2012, Hội Đồng Quản Trị tin rằng Tập Đoàn Thiên Long sẽ hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh đề ra cho năm 2013, đồng thời, tiến thêm một bước lớn để đạt được mục tiêu chiến lược 5 năm (2010-2014) của Tập đoàn.



### 3. Kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long dự kiến trình Đại Hội đồng Cổ đông năm tài chính 2012 phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 như sau:

Doanh thu thuần : 1.400.000.000.000 đồng

Lợi nhuận sau thuế : 110.000.000.000 đồng

Cổ tức : 10% tiền mặt, 10% bằng cổ phiếu

#### Mục tiêu chiến lược 5 năm (2010-2014) của Tập đoàn:

1. Trở thành Tập đoàn VPP số 1 tại Việt Nam và hàng đầu tại Đông Nam Á
2. Chuyên môn hóa và tự động hóa sản xuất
3. Phát triển tất cả kênh thương mại nội địa và kinh doanh quốc tế
4. Trở thành một trong những công ty có môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, đem lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, lợi nhuận cao nhất cho Tập đoàn và cổ đông.

#### Định hướng phát triển dài hạn:

- ❖ Phát triển để trở thành tập đoàn văn phòng phẩm hàng đầu tại Đông Nam Á nói riêng và Châu Á nói chung
- ❖ Tập trung vào kinh doanh quốc tế để thâm nhập vào thị trường thế giới (phát triển hàng hợp tác sản xuất, mở rộng thị trường xuất khẩu)
- ❖ Đa dạng hóa chủng loại sản phẩm thông qua hàng hợp tác sản xuất, củng cố và đẩy mạnh việc mở rộng thị phần thị trường trong nước
- ❖ Tập trung tự động hóa sản xuất nhằm nâng cao năng suất và công suất của các nhà máy trong Tập đoàn, hoàn thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm
- ❖ Cải tiến kỹ thuật sản xuất nhằm hạ thấp giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh.

## PHẦN IV: BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động và tình hình tài chính năm 2012
2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
3. Kế hoạch phát triển
4. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán



## 1. Đánh giá kết quả hoạt động và tình hình tài chính năm 2012

Năm 2012 khép lại một năm đầy khó khăn của nền kinh tế Việt Nam. Chỉ số giá tiêu dùng cuối năm tăng 6,81%, giảm mạnh so với tốc độ phi mã 18,13% của năm 2011 và thấp nhất kể từ năm 2009 đến nay. Tuy nhiên, cái giá phải trả cho việc thắt chặt tiền tệ và tài khóa để kiểm soát lạm phát là tăng trưởng kinh tế chỉ đạt 5,03%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu 6-6,5% đề ra và là mức tăng thấp nhất trong hai thập kỷ qua. Lần đầu tiên sau gần hai thập kỷ, Việt Nam xuất siêu nhưng chủ yếu do nhu cầu nhập khẩu sụt giảm khi sản xuất đình đốn.

55.000 doanh nghiệp đã giải thể, ngừng hoạt động, khiến cả triệu người lao động rơi vào cảnh thất nghiệp. Cộng cả năm 2011, con số này lên đến gần 110.000. Phòng Thương mại và Công nghiệp (VCCI) nhận định đây là một trong những giai đoạn đen tối nhất của doanh nghiệp Việt Nam.

Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế, Tập đoàn Thiên Long tập trung toàn lực để thực hiện mục tiêu đề ra, vừa tập trung đối mặt, linh hoạt tháo gỡ khó khăn trong hiện tại, vừa tìm ra những cơ hội kinh doanh, những quyết định đột phá trong khủng hoảng, vừa chuẩn bị các nguồn lực để đón đầu các cơ hội trong tương lai khi nền kinh tế khởi sắc.

Trong năm 2012, doanh thu thuần của Tập đoàn Thiên Long đạt 1.216.345 triệu đồng, tăng 16,55% so với năm 2011. Lợi nhuận sau thuế của toàn Tập đoàn đạt 100.153 triệu đồng, tăng 24,37% so với năm 2011 và vượt 11,28% so với chỉ tiêu kế hoạch thông qua tại Đại hội Đồng Cổ đông năm tài chính 2011.

*Đvt: triệu VNĐ*

Thực tế đạt được so với kế hoạch	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	% KH 2012
Doanh thu thuần	1.200.000	1.216.345	101%
Lợi nhuận sau thuế	90.000	100.153	111%

Chỉ tiêu	2010	2011	2012
Doanh thu thuần	813.368	1.043.592	1.216.345
Tỷ lệ lãi gộp/doanh thu thuần	35,90%	39,45%	37,68%
Chi phí (tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp)	210.473	311.880	334.585
Tỷ lệ chi phí/doanh thu thuần	25,88%	29,88%	27,51%
Lợi nhuận trước thuế	93.464	108.251	135.704
Lợi nhuận sau thuế	71.108	80.531	100.153
Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	8,74%	7,72%	8,23%
Tổng tài sản	752.115	949.886	962.581
Nguồn vốn chủ sở hữu	391.562	477.886	551.756
Vốn chủ sở hữu/tổng tài sản	52,06%	50,31%	57,32%
Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (VNĐ) (*)	3.737	3.931	4.729

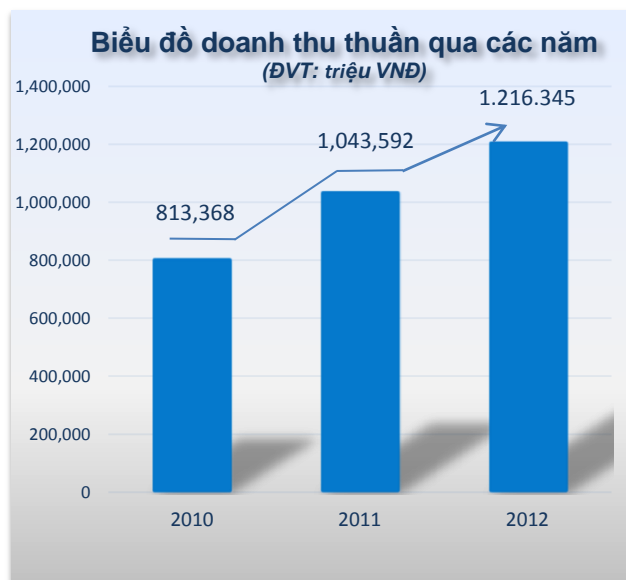
(\*) Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu được trình bày lại theo Chuẩn mực kế toán VAS 30: số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trước sự kiện phát hành tăng vốn ngày 25/12/2012 từ nguồn vốn chủ sở hữu được điều chỉnh với giả thuyết sự kiện này đã xảy ra tại thời điểm đầu kỳ báo cáo.

Tăng trưởng so với năm trước	2010	2011	2012	Bình quân
Doanh thu thuần	30,06%	28,31%	16,55%	24,97%
Lợi nhuận trước thuế	18,27%	15,82%	25,36%	19,82%
Lợi nhuận sau thuế	21,30%	13,25%	24,37%	19,64%
Tăng trưởng tổng tài sản	24,77%	26,29%	1,34%	17,47%
Tăng trưởng nguồn vốn chủ sở hữu	9,13%	22,05%	15,46%	15,55%

## Tăng trưởng doanh thu

Trong bối cảnh kinh tế chung gặp nhiều khó khăn, sản xuất đình đốn và chỉ số hàng tồn kho luôn ở mức cao, Thiên Long vẫn giữ tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần 16,55% trong năm 2012. Mức tăng trưởng bình quân đạt khoảng 25% trong vòng giai đoạn 2008-2012.

Bên cạnh nhóm ngành Bút Viết luôn được người tiêu dùng ưa chuộng thì các nhóm ngành Văn Phòng Phẩm, Dụng Cụ Học Sinh, Dụng Cụ Mỹ Thuật đang dần có chỗ đứng trên thị trường, doanh thu liên tục tăng trưởng. Thiên Long hàng năm đã cho ra đời nhiều sản phẩm và liên tiếp có những đánh giá, cải tiến để sản phẩm ngày càng phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.



## Nhóm Bút Viết (TL, Bizner)

Nhóm Bút Viết là nhóm sản phẩm truyền thống của Tập đoàn. Trong những năm qua, nhóm Bút Viết luôn thể hiện vai trò là nhóm sản phẩm chủ lực, tạo nền tảng trong quá trình phát triển của Tập đoàn. Trong năm 2012, Nhóm Bút Viết đem về cho Tập đoàn 663.945 triệu đồng, tăng 58.285 triệu đồng so với năm 2011. Hiện nay, ngoài nhóm bút bi, bút gel, bút lông bi, mang thương hiệu TL, Thiên Long còn có thương hiệu Bizner, là thương hiệu bút cao cấp phục vụ cấp quản lý. Ngoài ra, để vươn ra tầm khu vực và thế giới, Tập đoàn cũng sẽ không ngừng cải tiến kiểu dáng, nâng cao chất lượng với giá bán tốt nhất nhằm cạnh tranh với các sản phẩm nổi tiếng trên thế giới.

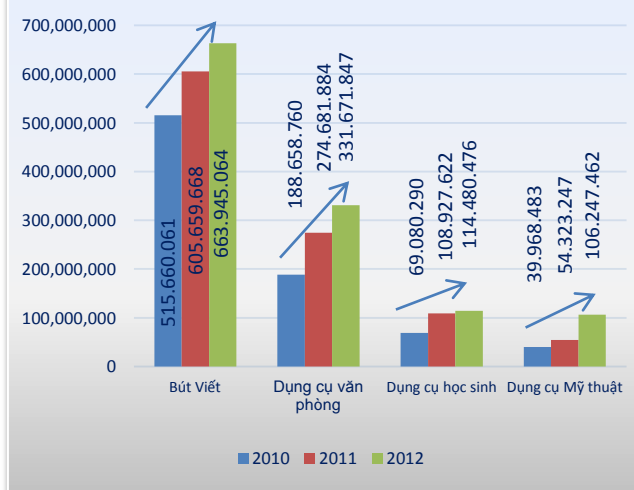
### Tỷ trọng từng nhóm sản phẩm trong doanh thu thuần

Nhóm sản phẩm	2010	2011	2012
Bút Viết	63,40%	58,04%	54,59%
Dụng Cụ Văn Phòng	23,20%	26,32%	27,27%
Dụng Cụ Học Sinh	8,49%	10,44%	9,41%
Dụng Cụ Mỹ Thuật	4,91%	5,20%	8,73%
Tổng	100%	100%	100%

### Tăng trưởng so với năm trước

Nhóm sản phẩm	2010	2011	2012
Bút Viết	26,64%	17,45%	9,62%
Dụng Cụ Văn Phòng	34,15%	45,60%	20,75%
Dụng Cụ Học Sinh	36,04%	57,68%	5,10%
Dụng Cụ Mỹ Thuật	49,40%	35,92%	95,58%

Biểu đồ so sánh doanh thu theo nhóm sản phẩm (ĐVT: ngàn VND)



### Lãi gộp

Tỷ lệ lãi gộp của Tập đoàn năm 2012 đạt 37,68%, tương đương với tỷ lệ lãi gộp bình quân trong giai đoạn 2008-2012. Trong các năm qua, ban lãnh đạo Tập đoàn đã tiến hành đa dạng hóa và mở

### Nhóm Dụng Cụ Văn Phòng (FlexOffice)

Với chiến lược giữ vững vị trí số 1 tại Việt Nam về văn phòng phẩm, tỷ trọng dòng sản phẩm văn phòng phẩm trong tổng doanh thu thuần không ngừng tăng lên, từ mức 23,20% trong năm 2010 tăng lên mức 27,27% trong năm 2012 và dự kiến tiếp tục tăng trong các năm tới. Năm 2012, Nhóm Dụng Cụ Văn Phòng đem về cho Tập đoàn 331.672 triệu đồng, tăng 56.990 triệu đồng so với năm 2011.

### Nhóm Dụng Cụ Học Sinh (Điểm 10)

Nhóm Dụng Cụ Học sinh trong năm 2012 tăng trưởng 5,10% so với năm 2011, đóng góp 9,41% vào doanh thu thuần, đạt mức 114.480 triệu đồng. Tiềm năng tăng trưởng của nhóm Dụng Cụ Học Sinh trong thời gian đến dự kiến sẽ tiếp tục ở mức cao do đặc điểm nước ta phần lớn là dân số trẻ và tỷ lệ tăng trưởng dân số tự nhiên cao.

### Nhóm Dụng Cụ Mỹ Thuật (Colokit)

Nhóm Dụng Cụ Mỹ Thuật đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 60,30% trong 3 năm gần đây.

Riêng năm 2012, Nhóm Dụng Cụ Mỹ Thuật ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu ấn tượng, đạt 106.247 triệu đồng doanh thu, tăng gần gấp đôi so với doanh thu năm 2011 và tăng tỷ trọng trong tổng doanh thu thuần từ mức 5,20% lên 8,73%.

Trong đó chiếm gần 75% mức tăng doanh thu của nhóm Dụng Cụ Mỹ Thuật đến từ thị trường xuất khẩu: doanh thu xuất khẩu của nhóm đạt 46.588 triệu đồng, tăng gần gấp 7 lần so 7.033 triệu đồng năm 2011.

rộng mạng lưới cung cấp, thương lượng để giữ giá đầu vào ổn định, kiểm soát tốt chi phí sản xuất, giảm sản phẩm hỏng, tối ưu hóa năng lực sản xuất; đồng thời tiến hành điều chỉnh giá bán phù hợp khi cần thiết.

Tập đoàn luôn cố gắng duy trì tỷ lệ lãi gộp ổn định, nhằm mục đích vừa duy trì chính sách giá bán cạnh tranh, vừa tối ưu hóa lợi nhuận.

## Chi phí

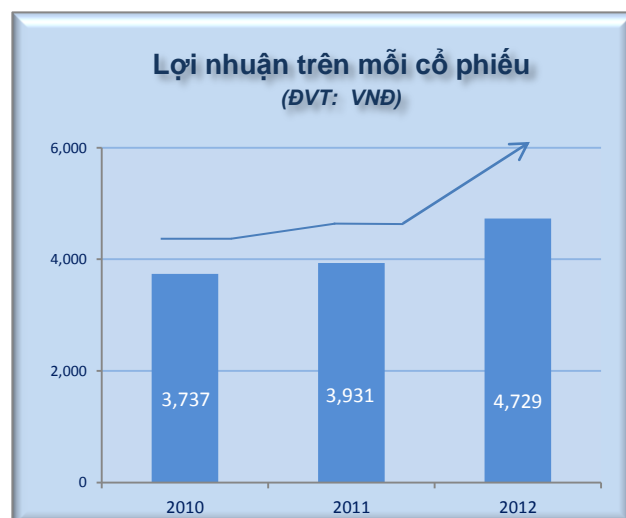
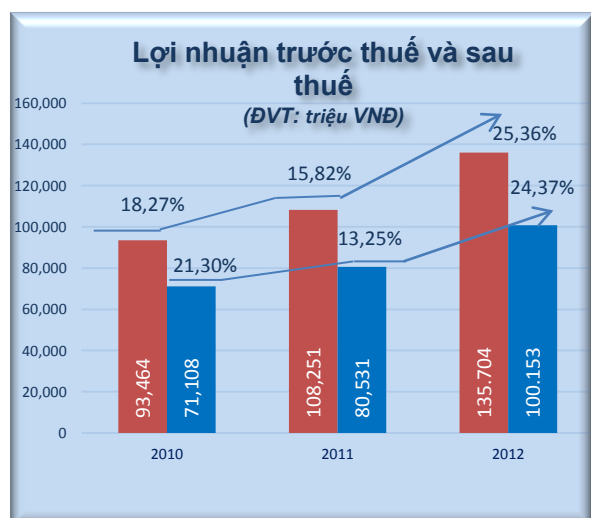
Tập đoàn đã giảm tổng vay nợ trong năm, đồng thời cơ cấu lại các khoản vay khiến chi phí tài chính năm 2012 giảm đi 24.535 triệu đồng, tương ứng mức giảm 37,76% so với năm 2011. Tỷ lệ chi phí tài chính trên doanh thu thuần năm 2012 giảm còn 3,32%, là mức thấp nhất trong giai đoạn 2008-2012.

Bên cạnh đó, tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng trên doanh thu thuần không có nhiều biến động lớn so với năm trước. Nhờ vậy, tỷ lệ tổng chi phí hoạt động trên doanh thu thuần giảm còn gần 28% so với gần 30% của năm 2011.

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Chi phí bán hàng/ Doanh thu thuần	11,77%	12,61%	12,85%
Chi phí quản lý/ Doanh thu thuần	9,77%	11,05%	11,34%
Chi phí tài chính/ Doanh thu thuần	4,34%	6,22%	3,32%
Tổng chi phí/ Doanh thu thuần	25,88%	29,88%	27,51%

## Lợi nhuận

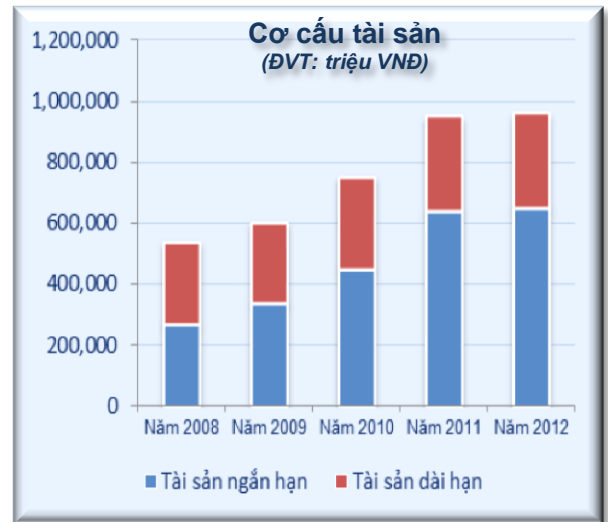
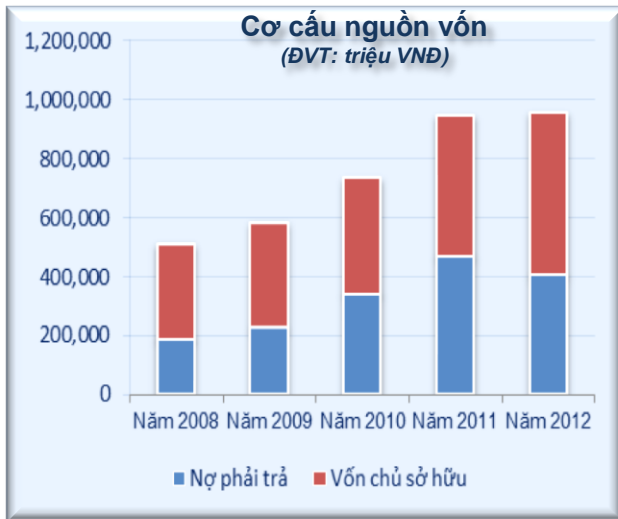
Nhờ ổn định giá thành, quản lý chi phí hiệu quả, đảm bảo tăng chi phí luôn gắn liền với việc tăng doanh thu nên tỷ lệ lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ trên doanh thu thuần của Tập đoàn được duy trì ổn định, xoay quanh mức 8% trong các năm qua. Đặc biệt trong năm 2012, bất chấp những khó khăn của nền kinh tế, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần đã cải thiện so với năm 2011. Bên cạnh đó, nhờ tái cơ cấu tài sản trong năm 2012, Tập đoàn đã đạt được tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và trên vốn chủ sở hữu (ROE) cao nhất trong giai đoạn 2008-2012, lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (EPS) đã tăng lên 4.729 đồng/ cổ phiếu, tăng hơn 20% so với năm 2011.



(\*) Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu được trình bày lại theo Chuẩn mực kế toán VAS 30: số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trước sự kiện phát hành tăng vốn ngày 25/12/2012 từ nguồn vốn chủ sở hữu được điều chỉnh với niên thuế sự kiện này đã xảy ra tại thời điểm đầu kỳ báo cáo

## Hiệu quả sử dụng Vốn và Tài sản

Là doanh nghiệp số một Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, Thiên Long có tốc độ tăng trưởng tài sản luôn ở mức cao, đạt bình quân 22% trong giai đoạn 2008-2012. Riêng năm 2012, trong bối cảnh khó khăn của toàn bộ nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp sản xuất nói riêng, Tập đoàn đã tập trung cơ cấu lại tài sản nhằm tối ưu hóa hoạt động, duy trì và phát triển bền vững trong tương lai. Trong năm, Tập đoàn cũng đồng thời tiến hành cơ cấu lại nguồn vốn theo hướng giảm vay nợ cả ngắn và dài hạn so với cuối năm 2011, gia tăng tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn.



Hiệu quả sử dụng tài sản của Tập đoàn liên tiếp được cải thiện, thể hiện qua vòng quay tài sản cố định và tổng tài sản liên tục tăng từ năm 2008 đến nay.

Thiên Long vẫn đang cố gắng đẩy mạnh cải tiến máy móc thiết bị, sử dụng tối đa công suất thiết kế, tránh đầu tư lãng phí nhằm tối ưu hóa năng lực sản xuất công ty, đảm bảo hiệu quả trên từng đồng vốn đầu tư.

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Vòng quay tài sản cố định	Vòng	2,88	2,92	3,48	4,19	4,91
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,07	1,10	1,20	1,23	1,27

## Dòng tiền

Đvt: triệu VND

Lưu chuyển tiền tệ	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	-10.439	-44.146	195.797
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-58.896	-52.361	-37.807
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	57.155	140.020	-87.483
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-12.180	43.513	70.507



Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn năm 2012 đạt 195.797 triệu đồng, so với năm 2011 âm 44.146 triệu đồng. Điều này có được do Tập đoàn đã tối ưu hóa hàng tồn kho, trong khi đó lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp cũng tăng hơn 24% so với năm trước khiến dòng tiền từ hoạt động kinh doanh được cải thiện. Do đó, mặc dù đã cắt giảm các khoản vay mới nhưng dòng tiền thuần trong năm cũng đạt 70.507 triệu đồng, tăng khoảng 62% so với năm 2011. Nguồn tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh lớn là một thế mạnh giúp TLG luôn chủ động trong thanh toán, đầu tư tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

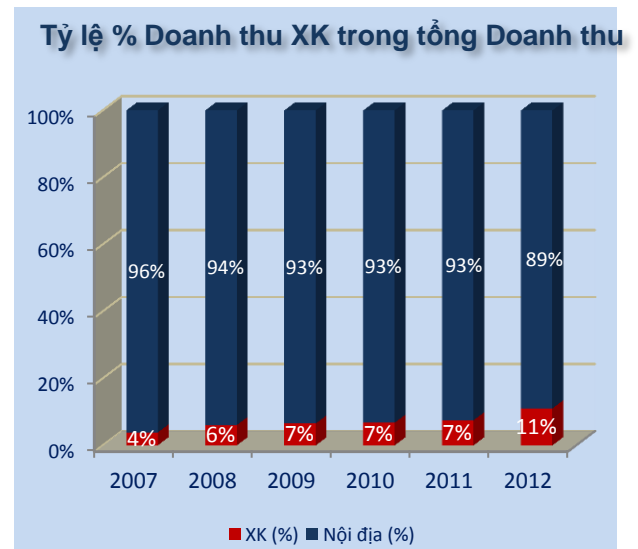
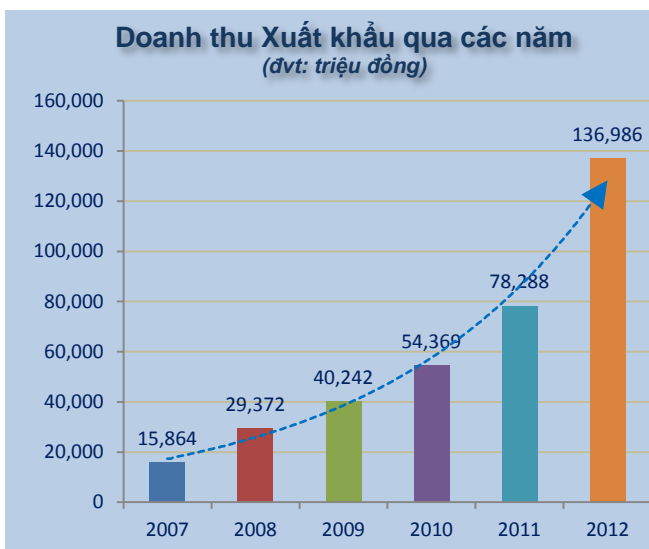
## Hoạt động xuất khẩu



Thị trường xuất khẩu của Thiên Long ngày càng mở rộng. Hiện tại, Tập đoàn đã phát triển thị trường xuất khẩu đến 30 nước trên khắp các châu lục.

Đặc biệt trong năm 2012, trong bối cảnh các nền kinh tế trên thế giới vẫn đang bị ảnh hưởng nặng nề của khủng hoảng, doanh thu xuất khẩu của Tập đoàn đã đạt 136.986 triệu đồng. Tốc độ tăng trưởng doanh thu xuất khẩu trong năm đạt 75%, cao hơn tốc độ tăng trưởng doanh thu xuất khẩu bình quân của Tập đoàn từ năm 2007 đến nay.

Trong đó, doanh thu xuất khẩu sang thị trường châu Âu và Mỹ chiếm lần lượt là 7% và 33% tổng doanh thu xuất khẩu của Tập Đoàn. Sự thành công của Thiên Long trên các thị trường châu Âu và Mỹ, những thị trường đòi hỏi khắt khe nhất về tiêu chuẩn sản phẩm và an toàn chất lượng, đã thêm một lần nữa khẳng định vị thế cạnh tranh của Thiên Long trên thị trường quốc tế.



## 2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý

Ban lãnh đạo Thiên Long luôn hướng đến sự dung hòa lợi ích cho tất cả cán bộ công nhân viên trong lúc hưng thịnh lẫn khó khăn. Kể cả trong những thời điểm khó khăn nhất, các chính sách lương, phụ cấp, các chế độ bảo hiểm xã hội, chăm sóc sức khỏe, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và chính sách khen thưởng luôn được đảm bảo.

Công tác tuyển dụng, đào tạo và việc chọn lọc một đội ngũ nhân sự phù hợp được thực hiện trên nền tảng lấy tri thức làm gốc. Môi trường và điều kiện làm việc dành cho mọi người phải được tạo ra và thay đổi trên nền tảng tri thức này. Chính nhờ vào đội ngũ nhân sự, môi trường và điều kiện làm việc như vậy, Thiên Long đã có *Sức mạnh* để ứng dụng các công nghệ, kỹ thuật và thiết bị tiên tiến nhằm tạo ra những sản phẩm mang đậm tính sáng tạo và màu sắc của *Tri Thức*.

Bên cạnh việc nâng cao tay nghề, trình độ của đội ngũ công nhân, Tập đoàn còn hoàn thành mục tiêu đặt ra cho năm 2012 là phát triển nguồn nhân lực cấp cao, tiếp tục kiện toàn bộ máy quản trị và nhân sự của Công ty.



### 3. Kế hoạch phát triển

#### Đa dạng hóa sản phẩm

Với mục tiêu trở thành Tập đoàn Văn phòng phẩm hàng đầu tại khu vực, Thiên Long đã, đang và sẽ tiếp tục gia tăng tỷ trọng nhóm Văn phòng phẩm trong cơ cấu doanh thu của Tập đoàn. Bên cạnh đó, Tập đoàn sẽ nỗ lực duy trì đà tăng trưởng ấn tượng của nhóm Dụng cụ Mỹ thuật, đẩy mạnh tăng trưởng tiêu thụ nhóm Dụng cụ Học sinh thông qua bán hàng trực tiếp vào các trường học, đồng thời phát triển hơn nữa các sản phẩm bút viết cao cấp.

Cụ thể, vào nửa cuối năm 2012, Tập đoàn chính thức tung ra 5 nhãn hiệu sản phẩm phục vụ cho các đối tượng tiêu dùng, với các sản phẩm chuyên biệt cho nhu cầu thiết yếu của từng đối tượng, cụ thể hóa chiến lược đa dạng hóa sản phẩm ngoài Bút viết.

Biến khó khăn thành cơ hội, Tập đoàn phát triển thêm dòng sản phẩm giá thấp, chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng trong tình hình kinh tế khó khăn.

Ngoài ra, Tập đoàn cũng định hướng sản xuất ra những công cụ, máy móc thiết bị dùng để sản xuất ra văn phòng phẩm. Đây là những sản phẩm độc đáo có triển vọng phát triển lâu dài trong tương lai.

#### Mở rộng thị trường

Bên cạnh tiếp tục kiện toàn và mở rộng hệ thống phân phối và điểm bán trong nước theo kênh truyền thống, Tập đoàn sẽ tiếp tục khai thác và phát triển mảng bán hàng trực tiếp cho các doanh nghiệp (B2B) và bán lẻ, từng bước bao phủ các kênh tiêu thụ, tạo thế đứng vững chắc cho Tập đoàn Thiên Long ở thị trường trong nước.

Nổi tiếp những thành công trên thị trường quốc tế trong những năm qua, Tập đoàn sẽ tiếp tục tập trung đẩy mạnh mảng kinh doanh xuất khẩu thông qua việc khai thác những thị trường mới nổi đầy tiềm năng tại châu Á, cũng như duy trì tốc độ tăng trưởng ở những thị trường hiện có tại châu Mỹ, châu Âu...

#### Mở rộng chuỗi giá trị

Thực hiện chiến lược tập trung tự động hóa sản xuất, Thiên Long đã và đang tự chế tạo một số máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại nhằm nâng cao năng suất và công suất của các nhà máy trong Tập đoàn. Ngoài ra, Tập đoàn cũng đã từng bước chủ động chế tạo khuôn mẫu thay thế cho khuôn mẫu ngoại nhập. Những máy móc, khuôn mẫu này không những đang chiếm một tỷ trọng lớn và ngày một gia tăng trong Tập đoàn, mà hơn thế nữa, đã được các đối tác trong và ngoài nước tín nhiệm đặt đơn hàng.

Với kinh nghiệm, năng lực sẵn có, với hiệu quả kinh doanh được minh chứng trong thời gian qua, Tập đoàn sẽ tiếp tục đẩy mạnh lĩnh vực chế tạo khuôn mẫu, máy móc thiết bị để chủ động trong

sản xuất, giảm giá thành sản phẩm. Ngoài ra, lĩnh vực chế tạo khuôn, máy móc thiết bị này cũng sẽ được chuyên nghiệp và chuyên biệt hóa, đóng góp ngày càng nhiều hơn vào doanh thu, lợi nhuận cho Tập đoàn.

Bên cạnh đó, Tập đoàn đang chủ động nghiên cứu, nắm bắt, nhận chuyển giao công nghệ, hướng đến chủ động nguyên vật liệu đầu vào. Thành công của Thiên Long trong việc sản xuất mực văn phòng phẩm là một trong những khởi đầu tích cực cho quá trình mở rộng chuỗi giá trị của Tập đoàn.

### **Quản trị, kiểm soát, gia tăng hiệu quả doanh nghiệp**

Trong năm 2012, Tập đoàn đã chính thức vận hành hệ thống ERP SAP và bước đầu đã tạo nên những chuyển biến tích cực. Mục tiêu Tập đoàn đặt ra trong năm 2013 và các năm tiếp theo là sẽ tiếp tục phát triển, ứng dụng hệ thống này vào công tác quản trị doanh nghiệp.

Tiếp nối thành công của năm 2012 trong việc tái cơ cấu, hoàn thiện doanh nghiệp, Tập đoàn sẽ tiếp tục công tác tái cơ cấu tài sản, nguồn vốn, tiếp tục kiểm soát việc sử dụng vốn vay hiệu quả, tối ưu hóa hàng tồn kho và chi phí hoạt động của Tập đoàn.

Bên cạnh đó, việc chủ động dần nguồn nguyên vật liệu đầu vào, kiểm soát tốt hơn quy trình, hiệu quả sản xuất sẽ đồng thời giúp tiết giảm chi phí sản xuất, gia tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm Thiên Long.

Có thể nói, trong các năm qua hàng loạt doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt với một cuộc đào thải nghiệt ngã nhất của nền kinh tế nước nhà. Nhiều doanh nghiệp đã gục ngã, thế nhưng “lửa thử vàng” và khủng hoảng cũng có thể được xem là một cơ hội để Thiên Long tự hoàn thiện mình, nâng cao năng lực cạnh tranh và hoạt động hiệu quả. Đây là một trong những yếu tố then chốt giúp Thiên Long vững bước vượt qua khó khăn của cuộc khủng hoảng kinh tế thị trường, hướng đến một sức mạnh mang tính bền vững và thành công trong tương lai.

*Hình thành từ “Sức Mạnh Tri Thức”, Tập đoàn Thiên Long đã luôn gìn giữ và phát huy giá trị cốt lõi “Sức Mạnh Tri Thức” ấy. Trong hơn 30 năm qua, “Sức Mạnh Tri Thức” với những sản phẩm đa dạng đã thổi hồn vào cuộc sống, đến với mọi đối tượng tiêu dùng, lan tỏa trong nước và vươn ra quốc tế, gắn kết cán bộ công nhân viên Tập đoàn và đồng hành với cộng đồng xã hội.*

Vượt qua khủng hoảng với “Sức Mạnh Tri Thức”, Thiên Long sẽ còn chấp cánh vươn xa...

**Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán:** không có

## PHẦN V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

---

1. Hội đồng Quản trị
  2. Ban Kiểm soát
  3. Giao dịch nội bộ
  4. Quan hệ cổ đông
- 



## 1. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị luôn tập trung thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động theo đúng điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của Công ty. Cụ thể, trong năm Tập đoàn đã tiến hành 8 cuộc họp với các nội dung chính sau:

### Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

---

#### Cuộc họp ngày 17/04/2012

HĐQT đã trao đổi và thảo luận các vấn đề liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ năm tài chính 2011, và đã thống nhất với các báo cáo tài chính cũng như các nội dung của chương trình ĐH để báo cáo trước Đại hội.

---

#### Cuộc họp ngày 22/05/2012

HĐQT đã thảo luận các nội dung mà ĐHĐCĐ đã thông qua trong Đại hội vừa qua, HĐQT đã thống nhất và cũng đã quyết định những vấn đề mà ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT như:

- Bầu Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2012-2016
  - Chọn Công ty kiểm toán cho các báo cáo tài chính năm 2012
  - Chọn thời điểm chi trả cổ tức đợt 1 năm 2011 bằng tiền mặt
- 

#### Cuộc họp ngày 01/06/2012

HĐQT đã họp về kế hoạch vay vốn ngân hàng của Công ty TNHH SX TM Thiên Long Long Thành, vay vốn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, sau khi bàn bạc HĐQT đã thống nhất và đồng ý chấp thuận Công ty TNHH SX TM Thiên Long Long Thành vay vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Hội sở TPHCM, với hạn mức tín dụng tối đa là 60 tỷ đồng Việt Nam

---

#### Cuộc họp ngày 04/06/2012

HĐQT đã họp và thảo luận kế hoạch thực hiện phương án kinh doanh năm 2012 của Công ty, HĐQT cũng đã nhất trí vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Tây Sài Gòn, trong đó:

- Công ty CP Tập đoàn Thiên Long hạn mức tín dụng 40 tỷ đồng Việt Nam
  - Công ty TNHH SX TM Thiên Long Long Thành hạn mức tín dụng 40 tỷ đồng Việt Nam
-

### Cuộc họp ngày 15/08/2012

HĐQT đã trao đổi và thảo luận về chiến lược kinh doanh của Hệ thống Công ty Tân Lực và đã thống nhất giải thể Công ty TNHH MTV TM DV Tân Lực Miền Tây và các điểm kinh doanh của công ty này. Công ty TNHH MTV TM DV Tân Lực Miền Tây là Công ty con 100% vốn của Công ty CP Tập đoàn Thiên Long.

---

### Cuộc họp ngày 10/10/2012

HĐQT họp và thống nhất chọn ngày chốt danh sách cổ đông vào ngày 30/10/2012 để phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2 năm 2011 và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2012.

---

### Cuộc họp ngày 06/12/2012

HĐQT đã bàn bạc và thảo luận về kế hoạch vay vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2013, HĐQT cũng đã nhất trí vay vốn tại Ngân hàng TMCP BIDV- chi nhánh Tây Sài Gòn với hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2013, số tiền vay tối đa là 100 tỷ đồng.

---

### Cuộc họp ngày 07/12/2012

HĐQT đã họp và thảo luận về kế hoạch vay vốn của Công ty TNHH MTV TM DV Thiên Long Hoàn Cầu, là Công ty con 100% vốn thuộc Công ty CP Tập đoàn Thiên Long. HĐQT cũng đã nhất trí về việc Công ty TNHH MTV TM DV Thiên Long Hoàn Cầu vay vốn tại Ngân hàng TMCP Á Châu, với hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng.

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Cô Gia Thọ	Chủ tịch HĐQT	08	100%	
2	Ông Trần Kim Thành	Phó Chủ tịch	08	100%	
3	Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên	08	100%	
4	Ông Huỳnh Văn Thiện	Thành viên	08	100%	
5	Bà Trần Thái Như	Thành viên	08	100%	
6	Bà Cô Ngân Bình	Thành viên	08	100%	
7	Ông Phạm Quang Thanh	Thành viên	07	87,5%	Buổi họp ngày 17/04/2012 Ông Thanh chưa là thành viên HĐQT của Cty
8	Ông Võ Văn Thành Nghĩa	Thành viên	08	100%	
9	Bà Cô Cẩm Nguyệt	Thành viên	08	100%	



## Các nghị quyết đã ban hành trong năm 2012

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2012/NQ-HĐQT	23/05/2012	Bầu chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch nhiệm kỳ 2012-2016
2	02/2012/NQ-HĐQT	23/05/2012	Chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán cho các báo cáo tài chính năm 2012
3	03/2012/NQ-HĐQT	20/06/2012	Chọn thời điểm chốt danh sách và thời điểm thực hiện chi trả cổ tức đợt 1/2011 bằng tiền mặt
4	04/2012/NQ-HĐQT	03/07/2012	Công ty TNHH SX TM Thiên Long Thành vay vốn tại NH TMCP Sài Gòn Thương Tín
5	05/2012/NQ-HĐQT	03/07/2012	Công ty TNHH SX TM Thiên Long Thành vay vốn tại NH TMCP Công Thương Việt Nam
6	06/2012/NQ-HĐQT	16/08/2012	Giải thể Công ty TNHH MTV TM DV Tân Lực Miền Tây
7	08/2012/NQ-HĐQT	11/10/2012	Chọn thời điểm chốt danh sách cổ đông để phát hành cp trả cổ tức đợt 2/2011 và phát hành cp tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2012
8	10/2012/NQ-HĐQT	07/12/2012	Công ty CP Tập đoàn Thiên Long vay vốn NH TMCP BIDV, Chi nhánh Tây Sài Gòn
9	11/2012/NQ-HĐQT	07/12/2012	Cty TNHH MTV TM DV Thiên Long Hoàn Cầu vay vốn tại NH TMCP Á Châu

### Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị thường xuyên giám sát các công việc mà Hội đồng Quản trị đã triển khai cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện và đề ra các chủ trương, giải pháp nhằm định hướng và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

Phối hợp với các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị trong việc định hướng và đề ra các chiến lược giúp công ty phát triển ổn định, bền vững.

**Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị:** không thành lập các tiểu ban



## 2. Ban Kiểm soát

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trong năm 2012, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Long đã có những hoạt động chính như sau:

- ❖ Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng quý, sáu tháng và hàng năm trước khi đệ trình Hội đồng Quản trị
- ❖ Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện qua các đợt kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ, đề xuất hướng xử lý
- ❖ Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
- ❖ Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng Quản trị chấp thuận
- ❖ Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
- ❖ Các nhiệm vụ khác theo Luật và Điều lệ Công ty

Trong năm qua, Ban Kiểm soát đã có 04 buổi họp chính thức và không chính thức, với các nội dung chính xoay quanh việc đánh giá và lập kế hoạch hoạt động hàng quý, cũng như phân công trách nhiệm cho từng thành viên, cụ thể:

- ❖ Thẩm định báo cáo tài chính năm 2011
- ❖ Lập báo cáo quá trình hoạt động kiểm soát theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên
- ❖ Thẩm định các báo cáo tài chính quý I, quý II, quý III năm 2012 và tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2012
- ❖ Kiểm tra việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và việc phân phối lợi nhuận hàng năm
- ❖ Giám sát việc tuân thủ theo điều lệ Công ty và theo pháp luật
- ❖ Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ được ban hành trong năm...
- ❖ Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trên tinh thần xây dựng, hợp tác, và thông qua việc tham gia vào các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát để theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Trong năm 2012, Ban Kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình trong công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành Công ty theo đúng Pháp luật, Điều lệ, các Nghị quyết và Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.



### 3. Giao dịch nội bộ

#### Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát:

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị năm 2012:

Stt	Tên	Chức danh	Thù lao
4	Cô Gia Thọ	Chủ tịch HĐQT	480.000.000
5	Trần Kim Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	360.000.000
6	Trần Lệ Nguyên	Thành viên HĐQT	240.000.000
7	Huỳnh Văn Thiện	Thành viên HĐQT	240.000.000
8	Võ Văn Thành Nghĩa	Thành viên HĐQT	160.000.000
9	Phạm Quang Thanh	Thành viên HĐQT	160.000.000
10	Cô Ngân Bình	Thành viên HĐQT	120.000.000
11	Cô Cẩm Nguyệt	Thành viên HĐQT	120.000.000
12	Trần Thái Như	Thành viên HĐQT	120.000.000

Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát năm 2012:

Stt	Tên	Chức danh	Thù lao
1	Nguyễn Thị Bích Ngà	Trưởng BKS	140.000.000
2	Tạ Hoàng Sơn	Thành viên BKS	70.000.000
3	Lý Văn Dũ	Thành viên BKS	20.400.000

#### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Cô Gia Thọ	Chủ tịch HĐQT	1.138.576	5,37%	1.366.290	6,45%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Cô Ngưu Tu	Cha của Chủ tịch HĐQT	50.000	0,24%	60.000	0,28%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Trần Thái Như	Thành viên HĐQT	233.908	1,10%	280.688	1,33%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Cô Ngân Bình	Thành viên HĐQT	200.000	0,94%	240.000	1,13%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Cô Phụng Bình	Em của Chủ tịch HĐQT	13.200	0,06%	15.840	0,074%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Cô Cẩm Châu	Em của Chủ tịch HĐQT	12.000	0,06%	14.400	0,07%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Cô Cẩm Ngọc	Em của Chủ tịch HĐQT	86.000	0,41%	103.200	0,49%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Cô Gia Đức	Em của Chủ tịch HĐQT	50.000	0,24%	60.000	0,28%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Cô Cẩm Nguyệt	Thành viên HĐQT	100.000	0,47%	120.000	0,57%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Công ty CP Đầu Tư Thiên Long An Thịnh	Cô Gia Thọ là người đại diện sở hữu	9.255.813	43,7%	11.106.975	52,44%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Trần Vinh Nguyên	Em của Trần Kim Thành	22.000	0,10%	26.400	0,12%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Trần Quốc Nguyên	Em của Trần Kim Thành	79.640	0,38%	21.576	0,10%	Giảm 61.660 cp bán do nhu cầu tài chính cá nhân; tăng 3.596 cp do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Công ty TNHH Đầu Tư Kinh Đô	Trần Kim Thành là người đại diện sở hữu	220.000	1,04%	264.000	1,25%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Công ty CP Kinh Đô	Trần Lệ Nguyên là người đại diện sở hữu	379.401	1,79%	455.281	2,15%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Huỳnh Văn Thiện	Thành viên HĐQT	110.000	0,52%	601.500	2,84%	Tăng 406.250 cp mua cp tăng tỷ lệ nắm giữ; tăng 85.250 cp do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Võ Văn Thành Nghĩa	Thành viên HĐQT	408.981	1,93%	680.777	3,21%	Tăng 190.000 cp mua cp tăng tỷ lệ nắm giữ; tăng 81.796 cp do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Nguyễn Đình Tâm	Phó TGĐ	50.660	0,24%	110.792	0,52%	Tăng 50.000 cp mua cp tăng tỷ lệ nắm giữ; tăng 10.132 cp do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Trần Đình Long	Em của Nguyễn Đình Tâm	80	0,0003%	96	0,0004%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Phan Nhật Phương	Phó TGD	127.000	0,60%	152.400	0,72%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Phan Nhật Toàn	Anh của Phan Nhật Phương	1.000	0,005%	1.200	0,006%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Bùi Văn Huống	Phó TGD	7.200	0,033%	21.640	0,10%	Tăng 13.000 cp mua cp tăng tỷ lệ nắm giữ; tăng 1.440 cp do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Nguyễn Thượng Việt	Phó TGD	30.423	0,14%	67.507	0,32%	Tăng 31.000 cp mua cp tăng tỷ lệ nắm giữ; tăng 6.084 cp do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Võ Bửu Chiêu	Vợ của Nguyễn Thượng Việt	1.540	0,007%	1.848	0,008%	Tăng doanh thu cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Hồ Ngọc Cảnh	Phó TGD kiêm KTT	6.760	0,03%	18.112	0,08%	Tăng 10.000 cp mua cp tăng tỷ lệ nắm giữ; tăng 1.352 cp do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Trần Trung Hiệp	Phó TGD	7.000	0,03%	13.400	0,063%	Tăng 5.000 cp mua cp tăng tỷ lệ nắm giữ; tăng 1.400 cp do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Nguyễn Thị Bích Ngà	Trưởng BKS	12.800	0,06%	15.360	0,07%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Bùi Quang Minh	Chồng của Nguyễn Thị Bích Ngà	1.628	0,007%	1.952	0,009%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Lý Văn Dữ	Thành viên BKS	2.000	0,009%	2.400	0,01%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Tạ Hoàng Sơn	Thành viên BKS	2.000	0,009%	2.400	0,01%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Công ty CP Chứng Khoán Bảo Việt	Cổ đông lớn	1.244.876	5,88%	1.493.850	7,05%	Tăng do nhận cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng

(\*) Thông tin cập nhật theo Báo cáo Quản trị Công ty đến ngày 31/12/2012

**Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có

## 4. Quan hệ cổ đông

Tập đoàn Thiên Long luôn nhận thức rằng hoạt động công bố thông tin và tương tác với cổ đông và nhà đầu tư là vô cùng cần thiết. Vì vậy, bên cạnh nỗ lực đáp ứng tốt những quy định của Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán, hoạt động phù hợp theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty, Tập đoàn Thiên Long luôn cố gắng đổi mới và thúc đẩy các kênh đối thoại với các cổ đông nhằm tiếp sức cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành và quản trị công ty.

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Tập đoàn luôn theo sát, duy trì và phát triển mối quan hệ với các cổ đông. Tập đoàn thường xuyên tiến hành các cuộc gặp gỡ, trả lời những thắc mắc của nhà đầu tư tại văn phòng công ty, khuyến khích nhà đầu tư trao đổi với Công ty thường xuyên qua email, điện thoại.

Tuy nhiên, hoạt động này vẫn chưa đáp ứng được tất cả mong mỏi của cổ đông nên trong năm 2012 Tập đoàn đã hợp tác với Công ty CP Chứng khoán FPT kết nối đường dẫn website nhằm thỏa mãn nhanh nhất những yêu cầu về công bố thông tin, đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu tìm hiểu và phân tích của các nhà đầu tư quan tâm đến cổ phiếu TLG.

Trong thời gian tới, duy trì kênh thông tin tương tác hiệu quả giữa Tập đoàn Thiên Long và nhà đầu tư là một nhiệm vụ được Công ty tiếp tục đẩy mạnh.



# I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012





## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long**

Các báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2012



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 38

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 14 tháng 3 năm 2005 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần 2	Ngày 6 tháng 4 năm 2007
Điều chỉnh lần 3	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
Điều chỉnh lần 4	Ngày 28 tháng 3 năm 2008
Điều chỉnh lần 5	Ngày 5 tháng 7 năm 2011
Điều chỉnh lần 6	Ngày 11 tháng 8 năm 2011
Điều chỉnh lần 7	Ngày 18 tháng 12 năm 2012

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 20/QĐ-SGDHCM ngày 2 tháng 2 năm 2010 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia dụng, in ấn nhãn hiệu, in lụa và in ấn các loại bao bì và các sản phẩm.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cô Gia Thọ	Chủ tịch
Ông Trần Kim Thành	Phó Chủ tịch
Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Thiện	Thành viên
Bà Trần Thái Như	Thành viên
Bà Cô Ngân Bình	Thành viên
Ông Võ Văn Thành Nghĩa	Thành viên
Ông Phạm Quang Thanh	Thành viên
Bà Cô Cẩm Nguyệt	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Bích Ngà	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Lý Văn Dũ	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Tạ Hoàng Sơn	Thành viên Ban kiểm soát

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Văn Thành Nghĩa	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đình Tâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Văn Huống	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Nhật Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thượng Việt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Ngọc Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2012
Ông Trần Trung Hiệp	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2012

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Cô Gia Thọ.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản Trị:



Cổ Gia Thọ  
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

Số tham chiếu: 60858419/15502823

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày từ trang 5 đến trang 38 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### *Cơ sở ý kiến kiểm toán*

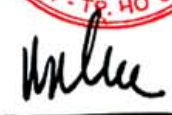
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### *Ý kiến kiểm toán*

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



*Ernst & Young Vietnam Ltd.*  
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Mai Việt Hùng Trần  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: D.0048/KTV



Bùi Xuân Vinh  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0842/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>650.314.590.238</b>	<b>641.341.856.539</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>151.264.484.956</b>	<b>80.780.886.340</b>
111	1. Tiền		75.300.849.959	70.780.886.340
112	2. Các khoản tương đương tiền		75.963.634.997	10.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5.1</b>	<b>1.333.476.000</b>	<b>6.238.680.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1.843.637.989	14.162.286.787
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(510.161.989)	(7.923.606.787)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>62.975.617.337</b>	<b>60.672.392.234</b>
131	1. Phải thu khách hàng	6	50.391.534.325	53.785.439.232
132	2. Trả trước cho người bán		10.823.750.576	6.679.169.006
135	3. Các khoản phải thu khác		2.079.127.105	1.023.170.506
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(318.794.669)	(815.386.510)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>423.352.867.960</b>	<b>477.542.374.709</b>
141	1. Hàng tồn kho		434.993.205.635	483.082.881.500
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(11.640.337.675)	(5.540.506.791)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>11.388.143.985</b>	<b>16.107.523.256</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.117.575.938	3.980.853.841
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.054.176.052	7.403.753.927
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.114.658.591	8.775.265
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		5.101.733.404	4.714.140.223
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>312.265.988.290</b>	<b>308.544.465.526</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>247.289.353.789</b>	<b>248.067.498.785</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	189.245.873.962	209.819.729.918
222	Nguyên giá		413.850.141.766	400.133.191.016
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(224.604.267.804)	(190.313.461.098)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	49.493.996.565	22.552.767.572
228	Nguyên giá		56.938.038.682	27.577.586.689
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(7.444.042.117)	(5.024.819.117)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	8.549.483.262	15.695.001.295
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>5.2</b>	<b>25.962.438.540</b>	<b>28.835.421.452</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác		36.969.924.383	38.599.924.383
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(11.007.485.843)	(9.764.502.931)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>39.014.195.961</b>	<b>31.641.545.289</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		5.489.613.575	10.258.993.738
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	21.3	28.510.415.886	19.392.569.051
268	3. Tài sản dài hạn khác		5.014.166.500	1.989.982.500
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>962.580.578.528</b>	<b>949.886.322.065</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>410.824.417.908</b>	<b>472.000.299.929</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>384.607.331.655</b>	<b>434.408.972.770</b>
311	1. Vay ngắn hạn	11	261.356.961.765	317.901.071.968
312	2. Phải trả người bán		50.054.680.349	55.715.671.720
313	3. Người mua trả tiền trước		8.850.549.215	2.587.054.763
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	18.486.685.600	14.974.655.557
315	5. Phải trả người lao động		10.827.240.523	9.509.326.354
316	6. Chi phí phải trả	13	26.991.884.053	21.010.045.591
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		2.820.415.320	8.091.195.385
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.218.914.830	4.619.951.432
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>26.217.086.253</b>	<b>37.591.327.159</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		14.650.185.417	12.305.666.278
334	2. Vay dài hạn	14	11.566.900.836	24.986.800.881
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	298.860.000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>551.756.160.620</b>	<b>477.886.022.136</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>15.1</b>	<b>551.756.160.620</b>	<b>477.886.022.136</b>
411	1. Vốn cổ phần		211.799.700.000	176.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		128.217.023.000	145.866.873.000
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		22.579.819.350	18.553.251.402
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		19.298.915.906	15.272.347.958
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		169.860.702.364	121.693.549.776
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>962.580.578.528</b>	<b>949.886.322.065</b>

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

KHOẢN MỤC	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (US\$)	1.435.837	798.951
- Nhân dân tệ (RMB)	3.751	1.984
- Peso Philippine (PHP)	6.650	-
- Euro (EUR)	4.879	2.035
- Bảng Anh (GBP)	5.286	-
- Bạt (THB)	320	320

  
\_\_\_\_\_  
Hồ Ngọc Cảnh  
Người lập

  
\_\_\_\_\_  
Hồ Ngọc Cảnh  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
Võ Văn Thành Nghĩa  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	1.242.119.995.157	1.052.921.937.168
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	(25.775.146.727)	(9.329.515.761)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.1	1.216.344.848.430	1.043.592.421.407
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		(758.032.878.599)	(631.927.240.425)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		458.311.969.831	411.665.180.982
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	8.352.832.014	9.431.652.493
22	7. Chi phí tài chính	18	(40.434.203.822)	(64.968.768.000)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(39.797.840.212)	(41.950.914.818)
24	8. Chi phí bán hàng		(156.255.590.333)	(131.556.417.782)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(137.895.477.685)	(115.354.956.577)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		132.079.530.005	109.216.691.116
31	11. Thu nhập khác	19	7.538.992.828	6.888.804.181
32	12. Chi phí khác	19	(3.914.767.822)	(7.854.417.302)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	19	3.624.225.006	(965.613.121)
50	14. Lợi nhuận kế toán trước thuế		135.703.755.011	108.251.077.995
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(44.668.311.603)	(36.182.263.909)
52	16. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	21.3	9.117.846.835	10.729.697.264
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		100.153.290.243	82.798.511.350
	<i>Phân bổ cho:</i>			
	17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	2.267.152.395
	17.2 Cổ đông của Công ty		100.153.290.243	80.531.358.955
70	18. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	16	4.729	3.931

  
\_\_\_\_\_  
Hồ Ngọc Cảnh  
Người lập

  
\_\_\_\_\_  
Hồ Ngọc Cảnh  
Kế toán trưởng



  
\_\_\_\_\_  
Võ Văn Thành Nghĩa  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2013



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>135.703.755.011</b>	<b>108.251.077.995</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định		38.700.467.161	37.307.532.091
03	Các khoản dự phòng		(567.222.843)	10.665.100.128
04	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.2	(856.441.236)	(370.091.570)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.704.220.628)	(528.772.669)
06	Chi phí lãi vay	18	39.797.840.212	41.950.914.818
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>208.074.177.677</b>	<b>197.275.760.793</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		2.634.067.564	(12.599.118.064)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		48.089.675.865	(139.358.166.191)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		15.290.148.267	(5.202.273.202)
12	Giảm chi phí trả trước		5.632.658.066	732.627.803
13	Tiền lãi vay đã trả		(40.956.500.233)	(39.945.703.420)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21.2	(43.855.529.082)	(32.105.658.840)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.268.330.728	25.000.000
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(6.379.788.361)	(12.968.045.651)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động sản xuất kinh doanh</b>		<b>195.797.240.491</b>	<b>(44.145.576.772)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(40.347.473.037)	(50.337.235.254)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		1.611.293.597	362.650.233
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(6.250.000.000)	(11.250.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.630.000.000	4.531.906.000
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		5.549.642.937	4.331.668.696
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(37.806.536.503)</b>	<b>(52.361.010.325)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	36.550.000.000
33	Tiền vay đã nhận		676.759.363.482	805.074.821.995
34	Tiền chi trả nợ vay		(746.489.790.044)	(683.983.515.852)
36	Chi trả cổ tức		(17.753.015.000)	(17.621.185.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		<b>(87.483.441.562)</b>	<b>140.020.120.643</b>
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		70.507.262.426	43.513.533.546
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	80.780.886.340	37.398.608.177
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(23.663.810)	(131.255.383)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	151.264.484.956	80.780.886.340

  
\_\_\_\_\_  
Hồ Ngọc Cảnh  
Người lập

  
\_\_\_\_\_  
Hồ Ngọc Cảnh  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
Võ Văn Thành Nghĩa  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 3 năm 2005 và theo các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần 2	Ngày 6 tháng 4 năm 2007
Điều chỉnh lần 3	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
Điều chỉnh lần 4	Ngày 28 tháng 3 năm 2008
Điều chỉnh lần 5	Ngày 5 tháng 7 năm 2011
Điều chỉnh lần 6	Ngày 11 tháng 8 năm 2011
Điều chỉnh lần 7	Ngày 18 tháng 12 năm 2012

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 20/QĐ-SGDHCM ngày 2 tháng 2 năm 2010 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ trường học, dụng cụ giảng dạy bằng nhựa, đồ dùng gia dụng bằng nhựa, in ấn nhãn hiệu, in lụa và in ấn các loại bao bì và các sản phẩm.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là: 2.919 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 2.947).

**Cơ cấu tổ chức**

Công ty có 5 công ty con, trong đó:

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành ("TLLT") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 472031000036 do Ban quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 12 năm 2005. TLLT có trụ sở chính tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của TLLT là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu ("TLGTS") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, đã được điều chỉnh, số 4104002492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 1 năm 2007. TLGTS có trụ sở chính tại Lô 6-8-10-12, Đường Số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của TLGTS là kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam ("TLTS") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0309489650 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 11 năm 2009. TLTS có trụ sở chính tại số 19 – 21 lô B, Đường Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của TLTS là kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Bắc ("TLNTS") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105012605 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 11 năm 2010 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh. TLNTS có trụ sở chính tại số 78 Đường Bạch Đằng, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của TLNTS là kinh doanh văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

***Cơ cấu tổ chức*** (tiếp theo)

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Tây ("TLWTS") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1801166792 do Sở KH&ĐT Thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh. TLWTS có trụ sở chính tại số 7A3 Khu Định cư Hưng Phú I, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam. Hoạt động chính của TLWTS là kinh doanh văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng. Ngày 16 tháng 8 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định giải thể hoạt động kinh doanh của TLWTS. TLWTS đã thông báo việc giải thể hoạt động cho cơ quan thuế địa phương vào ngày 21 tháng 8 năm 2012.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng***

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN") do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng***

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 *Niên độ kế toán***

Niên độ kế toán của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán***

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VNĐ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Việc mua lại lợi ích của cổ đông thiểu số được hạch toán theo phương pháp mua thêm của Tập đoàn, theo đó, khoản chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị hợp lý của phần giá trị thuần tài sản mua được ghi nhận vào lợi thế thương mại.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, bên cạnh việc tiếp tục áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("CMKTVN số 10") như trong các năm trước, Tập đoàn bắt đầu thực hiện Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179").

Theo Thông tư 179, tại thời điểm cuối năm, các khoản tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản. Trong năm 2011, Tập đoàn sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày báo cáo để thực hiện việc quy đổi này.

Thông tư 179 được áp dụng từ năm 2012 trên cơ sở phi hồi tố. Việc thay đổi từ sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng sang sử dụng tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại trong việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm có ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 không trọng yếu xét trên khía cạnh tổng thể.

**3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và sản phẩm dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng cho hàng tồn kho*

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Tập đoàn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu trừ dựa trên thời gian sử dụng hữu ích, ngoại trừ quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng vô thời hạn không được phân bổ khấu trừ.

**3.7 Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 7 năm
Khuôn	3 - 4 năm
Quyền sử dụng đất	46 năm
Phần mềm máy tính	3 - 12 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và khấu trừ nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc niên độ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi niên độ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 42 của Bộ luật Lao động.

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn theo CMKTVN số 10 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm trước. Bên cạnh CMKTVN số 10, bắt đầu từ năm 2012, Tập đoàn áp dụng Thông tư 179 đối với các nghiệp vụ ngoại tệ như được trình bày trong Thuyết minh 3.1.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### ► Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Tập đoàn trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân tố khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

##### ► Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

##### ► Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

#### 3.16 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

**3.17 Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu và trình bày*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.17 Công cụ tài chính** (tiếp theo)

*Ghi nhận ban đầu và trình bày* (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác.

*Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	1.128.895.540	1.569.991.240
Tiền gửi ngân hàng	74.171.954.419	69.210.895.100
Các khoản tương đương tiền	75.963.634.997	10.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>151.264.484.956</u></b>	<b><u>80.780.886.340</u></b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

**5.1 Đầu tư ngắn hạn**

	VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	1.843.637.989	14.162.286.787
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	<u>(510.161.989)</u>	<u>(7.923.606.787)</u>
<b>ĐẦU TƯ THUẦN</b>	<b><u>1.333.476.000</u></b>	<b><u>6.238.680.000</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ** (tiếp theo)

**5.1 Đầu tư ngắn hạn** (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết ngắn hạn như sau:

	VNĐ			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu	Giá trị	Cổ phiếu	Giá trị
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1)	123.470	1.843.637.989	630.000	9.407.080.000
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (PPC)	-	-	270.240	4.755.206.787
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>1.843.637.989</u></b>		<b><u>14.162.286.787</u></b>

**5.2 Đầu tư dài hạn khác**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư dài hạn khác	36.969.924.383	38.599.924.383
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	<u>(11.007.485.843)</u>	<u>(9.764.502.931)</u>
<b>ĐẦU TƯ THUẬN</b>	<b><u>25.962.438.540</u></b>	<b><u>28.835.421.452</u></b>

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn vào các công ty khác như sau:

	VNĐ			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu	Giá trị	Cổ phiếu	Giá trị
Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô	200.000	25.000.000.000	200.000	25.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	60	5.999.924.383	60	5.999.924.383
Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	500.000	3.850.000.000	500.000	5.100.000.000
Công ty Cổ phần Chip Sáng	152.000	1.520.000.000	190.000	1.900.000.000
Công ty Cổ phần In số 7	5.000	<u>600.000.000</u>	5.000	<u>600.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>36.969.924.383</u></b>		<b><u>38.599.924.383</u></b>

Như được trình bày trong Thuyết minh số 11, Tập đoàn đã thế chấp khoản đầu tư dài hạn vào các công ty khác để đảm bảo khoản vay tại ngân hàng.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên thứ ba	50.391.534.325	53.785.439.232
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(318.794.669)</u>	<u>(815.386.510)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>50.072.739.656</u></b>	<b><u>52.970.052.722</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	206.028.602.314	203.224.603.381
Hàng hóa	90.027.918.410	97.353.282.796
Nguyên liệu, vật liệu	79.271.453.301	134.865.235.607
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	38.329.697.695	31.384.941.431
Hàng mua đang đi trên đường	19.743.016.995	16.070.338.285
Công cụ, dụng cụ	1.592.516.920	162.266.082
Hàng gửi đi bán	-	22.213.918
	<b>434.993.205.635</b>	<b>483.082.881.500</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.640.337.675)	(5.540.506.791)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>423.352.867.960</b>	<b>477.542.374.709</b>

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	(5.238.876.099)	(3.546.286.967)
Dự phòng trích lập trong năm	(7.840.224.440)	(4.143.363.407)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	1.438.762.864	2.149.143.583
<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm</b>	<b>(11.640.337.675)</b>	<b>(5.540.506.791)</b>

114  
ÔNG  
ỒP  
ÁP E  
ÊN  
TF

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long**

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tài sản có định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						VNĐ
Số đầu năm	131.409.096.047	152.637.842.591	16.148.051.528	8.503.213.648	91.434.987.202	400.133.191.016
Mua mới trong năm	1.095.339.425	2.708.877.270	4.411.338.182	1.264.034.221	2.716.734.022	12.196.323.120
Chuyển từ xây dựng cơ bản đờ đang	-	1.320.928.048	-	-	4.909.560.837	6.230.488.885
Phân loại lại	-	1.841.892.806	-	(1.841.892.806)	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(166.498.285)	(92.061.571)	(2.181.395.354)	(906.435.910)	(1.363.470.135)	(4.709.861.255)
Số cuối năm	132.337.937.187	158.417.479.144	18.377.994.356	7.018.919.153	97.697.811.926	413.850.141.766
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	353.518.116	37.607.816.179	5.130.365.004	3.272.762.939	64.635.696.734	111.000.158.972
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	(19.501.064.948)	(80.264.696.637)	(11.368.873.841)	(5.139.744.233)	(74.039.081.439)	(190.313.461.098)
Khấu hao trong năm	(5.382.279.934)	(19.932.106.640)	(1.776.226.381)	(1.395.625.217)	(8.548.912.217)	(37.035.150.389)
Thanh lý, nhượng bán	27.185.434	24.608.893	2.181.395.354	500.863.971	10.290.031	2.744.343.683
Số cuối năm	(24.856.159.448)	(100.172.194.384)	(10.963.704.868)	(6.034.505.479)	(82.577.703.625)	(224.604.267.804)
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	111.908.031.099	72.373.145.954	4.779.177.687	3.363.469.415	17.395.905.763	209.819.729.918
Số cuối năm	107.481.777.739	58.245.284.760	7.414.289.488	984.413.674	15.120.108.301	189.245.873.962
<b>Trong đó:</b>						
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 11 và 14)	71.949.212.835	29.087.085.975	-	-	650.991.168	101.687.289.978



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bán quyền, bằng sáng chế	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					VND
Số đầu năm	25.001.019.524	2.093.588.765	367.000.000	115.978.400	27.577.586.689
Mua trong năm	-	2.413.840.000	-	-	2.413.840.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	-	26.946.611.993	-	-	26.946.611.993
Số cuối năm	25.001.019.524	31.454.040.758	367.000.000	115.978.400	56.938.038.682
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu trừ hết	-	2.093.588.765	58.200.000	115.978.400	2.267.767.165
<b>Giá trị khấu trừ lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(2.796.068.849)	(1.908.749.642)	(204.022.226)	(115.978.400)	(5.024.819.117)
Khấu trừ trong năm	(329.408.280)	(1.986.881.389)	(102.933.331)	-	(2.419.223.000)
Số cuối năm	(3.125.477.129)	(3.895.631.031)	(306.955.557)	(115.978.400)	(7.444.042.117)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	22.204.950.675	184.839.123	162.977.774	-	22.552.767.572
Số cuối năm	21.875.542.395	27.558.409.727	60.044.443	-	49.493.996.565
<b>Trong đó:</b>					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 11 và 14)	21.875.542.395	-	-	-	21.875.542.395

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Khuôn đang chế tạo	6.215.402.642	4.100.564.994
Thiết bị đang hình thành	1.957.340.620	542.507.512
Công nghệ chuyển giao đang phát triển	376.740.000	-
Phần mềm đang phát triển	-	11.051.928.789
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.549.483.262</u></b>	<b><u>15.695.001.295</u></b>

**11. VAY NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	240.551.184.729	289.717.596.932
Nợ dài hạn đến hạn trả ( <i>Thuyết minh số 14</i> )	20.805.777.036	28.183.475.036
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>261.356.961.765</u></b>	<b><u>317.901.071.968</u></b>



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 11. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Khoản vay ngắn hạn ngân hàng bao gồm:

Tên ngân hàng	Số cuối năm VNĐ	Giá trị nguyên tệ Đô la Mỹ	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/năm)	Chi tiết tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 5.2, 7, 8 và 9)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	76.242.151.438	43.149	Từ ngày 7 tháng 1 năm 2013 đến ngày 27 tháng 6 năm 2013	10,50 - 12,90	Quyền sử dụng đất, nhà cửa & vật kiến trúc, máy móc thiết bị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	897.714.945	365.880	Từ ngày 21 tháng 1 năm 2013 đến ngày 25 tháng 6 năm 2013	5,00 - 6,00	Tin chấp
	31.537.495.153	656.987	Từ ngày 3 tháng 2 năm 2013 đến ngày 26 tháng 6 năm 2013	9,00 - 11,50	
	7.612.133.401	1.349.792	Từ ngày 8 tháng 2 năm 2013 đến ngày 19 tháng 6 năm 2013	5,50	
	13.668.618.904	7.019.093.428	Từ ngày 14 tháng 3 năm 2013 đến ngày 20 tháng 6 năm 2013	5,50 - 6,00	
	28.082.419.023	9.715.491.240	Từ ngày 19 tháng 3 năm 2013 đến ngày 20 tháng 6 năm 2013	10,00 - 11,00	
Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên HSBC Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	9.715.491.240	1.349.792	Từ ngày 9 tháng 1 năm 2013 đến ngày 29 tháng 4 năm 2013	4,70 - 5,30	Thành phẩm, nhà cửa vật kiến trúc và được bảo lãnh bởi Chủ tịch Cổ Gia Thọ
	14.482.641.453	555.521	Từ ngày 17 tháng 1 năm 2013 đến ngày 29 tháng 4 năm 2013	9,00 - 9,80	
	26.676.483.766	3.854.699.999	Từ ngày 28 tháng 1 năm 2013 đến ngày 4 tháng 4 năm 2013	9,80	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Ông Ich Khiêm	11.557.623.975	442.423	Từ ngày 28 tháng 2 năm 2013 đến ngày 28 tháng 5 năm 2013	11,50 - 15,00	Đầu tư dài hạn vào công ty khác
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa	9.204.618.004	555.521	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2013 đến ngày 27 tháng 5 năm 2013	5,50	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc
		3.854.699.999	Từ ngày 14 tháng 1 năm 2013 đến ngày 28 tháng 3 năm 2013	10,00 - 12,80	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Hội sở		442.423	Từ ngày 11 tháng 1 năm 2013 đến ngày 21 tháng 3 năm 2013	5,50 - 6,00	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>240.551.184.729</b>	<b>3.413.752</b>			

Tập đoàn sử dụng tiền vay nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 21.2)	11.433.322.810	9.514.656.963
Thuế giá trị gia tăng	3.743.766.852	1.159.624.345
Thuế nhập khẩu	2.532.754.142	3.782.670.032
Thuế thu nhập cá nhân	776.841.796	517.704.217
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18.486.685.600</b>	<b>14.974.655.557</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng 13	10.864.554.134	8.952.602.500
Chi phí tiếp thị và quảng cáo	8.509.383.788	2.426.828.224
Chi phí lãi vay	1.480.181.741	2.638.841.762
Chi phí hoạt động văn phòng đại diện	738.128.219	953.842.760
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	612.883.874	-
Chi phí phải trả nhà thầu	-	1.549.200.840
Khác	4.786.752.297	4.488.729.505
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.991.884.053</b>	<b>21.010.045.591</b>

**14. VAY DÀI HẠN**

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn từ ngân hàng	32.372.677.872	53.170.275.917
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.372.677.872</b>	<b>53.170.275.917</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 11)</i>	<i>20.805.777.036</i>	<i>28.183.475.036</i>
<i>Vay dài hạn</i>	<i>11.566.900.836</i>	<i>24.986.800.881</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**14. VAY DÀI HẠN** (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn từ ngân hàng bao gồm:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Thời hạn trả nợ	Lãi suất	Chi tiết tài sản đảm bảo (Thuyết minh số 8 và 9)
	VNĐ		(%/năm)	
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn</i>				
01/06/HĐ	27.500.225.836	18 lần hàng quý từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 1 tháng 4 năm 2016	14,20	Máy móc và thiết bị
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Ông Ích Khiêm</i>				
OIK.DN.01260310	952.800.000	45 lần hàng tháng từ ngày 10 tháng 4 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	15,00	Máy móc và thiết bị
OIK.DN.02040510	485.704.000	44 lần hàng tháng từ ngày 10 tháng 5 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	15,00	Máy móc và thiết bị
OIK.DN.01020210	420.265.000	47 lần hàng tháng từ ngày 10 tháng 2 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	15,00	Máy móc và thiết bị
OIK.DN.01220110	406.595.000	47 lần hàng tháng từ ngày 10 tháng 2 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	15,00	Máy móc và thiết bị
OIK.DN.01060910	371.370.000	40 lần hàng tháng từ ngày 10 tháng 9 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	15,00	Máy móc và thiết bị
OIK.DN.01140110	271.050.000	47 lần hàng tháng từ ngày 10 tháng 2 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	15,00	Máy móc và thiết bị
OIK.DN.02081209	211.660.000	48 lần hàng tháng từ ngày 10 tháng 1 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	15,00	Máy móc và thiết bị
OIK.DN.01011010	77.461.000	39 lần hàng tháng từ ngày 10 tháng 10 năm 2010 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013	15,00	Máy móc và thiết bị
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hồ Chí Minh</i>				
Số 14118	586.612.036	60 lần hàng tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2007 đến ngày 3 tháng 1 năm 2013	16,32	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc
LD0928200269	1.088.935.000	60 lần hàng tháng kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2009 đến ngày 14 tháng 10 năm 2014	16,32	Máy móc và thiết bị
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>32.372.677.872</u></b>			

Tập đoàn sử dụng tiền vay nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### 15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 15.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VNĐ
<b>Năm trước</b>						
Số đầu năm	155.000.000.000	130.816.873.000	14.997.827.402	11.716.923.958	79.030.080.276	391.561.704.636
Cổ phiếu phát hành trong năm	21.500.000.000	15.050.000.000	-	-	-	36.550.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	80.531.358.955	80.531.358.955
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(17.735.678.500)	(17.735.678.500)
Phân phối lợi nhuận	-	-	3.555.424.000	3.555.424.000	(7.110.848.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(11.020.962.955)	(11.020.962.955)
Chi thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(2.000.400.000)	(2.000.400.000)
Số cuối năm	176.500.000.000	145.866.873.000	18.553.251.402	15.272.347.958	121.693.549.776	477.886.022.136
<b>Năm nay</b>						
Số đầu năm	176.500.000.000	145.866.873.000	18.553.251.402	15.272.347.958	121.693.549.776	477.886.022.136
Cổ phiếu phát hành trong năm	35.299.700.000	(17.649.850.000)	-	-	(17.649.850.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	100.153.290.243	100.153.290.243
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	(17.650.000.000)	(17.650.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	4.026.567.948	4.026.567.948	(8.053.135.896)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.978.751.759)	(6.978.751.759)
Chi thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(1.654.400.000)	(1.654.400.000)
Số cuối năm	211.799.700.000	128.217.023.000	22.579.819.350	19.298.915.906	169.860.702.364	551.756.160.620

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

Vào ngày 15 tháng 5 năm 2012, các cổ đông của Công ty đã thông qua tại đại hội cổ đông thường niên việc phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức và phát hành cổ phiếu thường tăng vốn điều lệ theo tỷ lệ 20% vốn cổ phần (10% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và 10% từ nguồn thặng dư vốn cổ phần). Theo đó, vào ngày 30 tháng 10 năm 2012, Công ty đã thực hiện phát hành 3.529.970 cổ phiếu tại mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu tương đương 35.299.700.000 VNĐ. Trên cơ sở đó, Công ty đã hạch toán tăng vốn cổ phần 35.299.700.000 VNĐ, giảm lợi nhuận chưa phân phối 17.649.850.000 VNĐ và giảm thặng dư vốn cổ phần 17.649.850.000 VNĐ. Ngày 18 tháng 12 năm 2012, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh về việc tăng vốn điều lệ lên 211.799.700.000 VNĐ.

**15.2 Vốn cổ phần**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VNĐ	Số lượng	VNĐ
Cổ phiếu được phép phát hành	21.179.970	211.799.700.000	17.650.000	176.500.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.179.970	211.799.700.000	17.650.000	176.500.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.179.970	211.799.700.000	17.650.000	176.500.000.000

**16. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (trước khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	Năm trước (*)
Lợi nhuận thuần trong năm (VNĐ)	100.153.290.243	80.531.358.955
Số lượng cổ phiếu bình quân	21.179.970	20.484.902
Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	4.729	3.931

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(\*) Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân năm 2011 đã được điều chỉnh tăng 3.529.970 cổ phiếu để phản ánh số cổ phiếu đã phát hành trong năm từ lợi nhuận chưa phân phối và thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**17. DOANH THU**

**17.1 Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu gộp</b>	<b>1.242.119.995.157</b>	<b>1.052.921.937.168</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bán thành phẩm</i>	999.013.454.765	754.666.547.459
<i>Doanh thu từ bán hàng hóa</i>	243.106.540.392	297.543.261.322
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ</i>	-	712.128.387
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(25.775.146.727)</b>	<b>(9.329.515.761)</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thành phẩm bị trả lại</i>	(18.808.141.110)	(6.969.168.949)
<i>Hàng hóa bị trả lại</i>	(6.967.005.617)	(2.360.346.812)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.216.344.848.430</b>	<b>1.043.592.421.407</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bán thành phẩm</i>	980.205.313.655	747.697.378.510
<i>Doanh thu từ bán hàng hóa</i>	236.139.534.775	295.182.914.510
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ</i>	-	712.128.387

**17.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.639.059.603	4.339.677.584
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.715.831.175	4.640.883.339
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	856.441.236	370.091.570
Cổ tức được chia	141.500.000	81.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.352.832.014</b>	<b>9.431.652.493</b>

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	39.797.840.212	41.950.914.818
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.991.665.255	13.258.947.217
(Hoàn nhập các khoản dự phòng) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.388.646.981)	7.330.776.654
Lỗ từ hoạt động đầu tư	-	2.427.933.330
Chi phí tài chính khác	33.345.336	195.981
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>40.434.203.822</b>	<b>64.968.768.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**19. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>7.538.992.828</b>	<b>6.888.804.181</b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.787.083.101	2.021.654.373
Nhận chiết khấu mua hàng năm trước	1.478.161.224	-
Thu từ bồi thường nguyên liệu hư hỏng	924.066.862	927.342.389
Thu nhập khác	3.349.681.641	3.939.807.419
<b>Chi phí khác</b>	<b>(3.914.767.822)</b>	<b>(7.854.417.302)</b>
Chi phí cho việc thanh lý tài sản cố định	(2.136.608.243)	(5.305.737.328)
Chi phí khác	(1.778.159.579)	(2.548.679.974)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>3.624.225.006</u></b>	<b><u>(965.613.121)</u></b>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	1.517.035.947.320	1.332.152.014.262
Chi phí nhân công	218.924.122.052	181.811.533.317
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	38.700.467.161	38.355.500.436
Chi phí dịch vụ mua ngoài	191.134.440.548	145.593.511.001
Chi phí khác	8.146.144.121	7.701.741.091
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.973.941.121.202</u></b>	<b><u>1.705.614.300.107</u></b>

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Tập đoàn là 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế, ngoại trừ Công ty Cổ phần Thiên Long Thành ("TLLT") như được trình bày ở đoạn tiếp theo.

TLLT có nghĩa vụ nộp thuế TNDN ở mức thuế suất 15% trên tổng lợi nhuận chịu thuế trong mười hai (12) năm đầu tiên và 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế trong những năm tiếp theo. TLLT được miễn thuế TNDN trong ba (3) năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận và được giảm 50% thuế TNDN trong bảy (7) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**21.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hiện hành	43.726.681.466	35.953.897.802
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	941.630.137	228.366.107
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	<u>(9.117.846.835)</u>	<u>(10.729.697.264)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>35.550.464.768</u></b>	<b><u>25.452.566.645</u></b>

**21.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của kỳ kế toán khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>135.703.755.011</b>	<b>108.251.077.995</b>
<i>Điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán</i>		
Các chi phí không được khấu trừ	9.358.745.250	11.952.292.060
Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch nội bộ	7.942.423.264	44.043.286.402
Lỗi của các công ty con	4.569.099.930	6.836.334.362
Chi phí phải trả	11.019.967.535	(5.008.300.640)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	9.260.181.249	2.875.276.003
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.401.461.576	1.692.589.132
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(236.156.512)	(123.055.827)
Cổ tức nhận được	(141.500.000)	(81.000.000)
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	-	(2.617.839.420)
<b>Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa căn trừ lỗi năm trước</b>	<b>183.877.977.303</b>	<b>167.820.660.067</b>
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(24.005.068.859)
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính trong năm</b>	<b>183.877.977.303</b>	<b>143.815.591.208</b>
<b>Thuế TNDN ước tính năm hiện hành</b>	<b>43.726.681.466</b>	<b>35.953.897.802</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	9.505.881.698	5.429.276.629
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	941.630.137	228.366.107
Thuế TNDN đã trả trong năm	<u>(43.855.529.082)</u>	<u>(32.105.658.840)</u>
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b><u>10.318.664.219</u></b>	<b><u>9.505.881.698</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả	11.433.322.810	9.514.656.963
Thuế TNDN phải thu	(1.114.658.591)	(8.775.265)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**21.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
			VNĐ	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch nội bộ	19.019.433.982	15.547.417.906	3.472.016.076	9.853.424.288
Chi phí phải trả	3.517.897.815	773.385.381	2.744.512.434	(1.130.302.540)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.189.016.479	2.294.066.882	894.949.597	2.138.914.716
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.784.067.610	1.309.719.025	1.474.348.585	423.147.283
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	50.857.357	(50.857.357)	(15.006.128)
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	-	(696.857.000)	696.857.000	(654.459.855)
Lỗi năm trước chuyển sang	-	113.979.500	(113.979.500)	113.979.500
<b>Tài sản thuế hoãn lại</b>	<b>28.510.415.886</b>	<b>19.392.569.051</b>		
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>			<b>9.117.846.835</b>	<b>10.729.697.264</b>

**21.4 Thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗi năm trước chuyển sang**

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗi tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm năm kể từ năm phát sinh khoản lỗi đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có khoản lỗi lũy kế là 6.353.365.615 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 7.075.112.914 VNĐ) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗi đến năm</i>	<i>Lỗi tính thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗi đến ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	VNĐ	
				<i>Không được chuyển lỗi</i>	<i>Chưa chuyển lỗi tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
2007	2012	817.232.331	(817.232.331)	-	-
2008	2013	7.900.187.524	(7.900.187.524)	-	-
2009	2014	18.885.087.395	(18.885.087.395)	-	-
2010	2015	238.778.552	-	-	-
2011	2016	6.836.334.362	-	(238.778.552)	4.021.735.187
2012	2017	2.331.630.428	-	(2.814.599.175)	2.331.630.428
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>37.009.250.592</b>	<b>(27.602.507.250)</b>	<b>(3.053.377.727)</b>	<b>6.353.365.615</b>

Lỗi tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Tập đoàn con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho phần lỗi lũy kế còn lại trị giá 6.353.365.615 VNĐ do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**22. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Tập đoàn sản xuất ra hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tập đoàn chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

**23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Các cam kết thuê hoạt động thể hiện giá trị khoản thuê văn phòng và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	11.202.782.244	8.140.692.615
Từ 1 - 5 năm	29.301.541.056	13.357.750.939
Trên 5 năm	<u>23.240.001.452</u>	<u>11.169.498.260</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>63.744.324.752</u></b>	<b><u>32.667.941.814</u></b>

**24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn cũng nắm giữ các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Tập đoàn không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Tập đoàn có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tập đoàn để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng:

- độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;
- độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản nợ phải trả có lãi suất thả nổi của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn như sau:

	Tăng/giảm điểm cơ bản		Ảnh hưởng đến lợi
	VNĐ	Đô la Mỹ	nhuận trước thuế VNĐ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012			
	+200	+50	(4.393.130.328)
	-200	-50	4.393.130.328
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011			
	+200	+50	(6.058.862.421)
	-200	-50	6.058.862.421

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường*** (tiếp theo)

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro giá trị thuần hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn không có quản lý rủi ro ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái của Tập đoàn là không đáng kể.

***Độ nhạy đối với ngoại tệ***

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái của tập đoàn tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

***Phải thu khách hàng***

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tập đoàn có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở đã trình bày, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể.

***Tiền gửi ngân hàng***

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Việc đầu tư các khoản tiền nhàn rỗi chỉ được thực hiện với các ngân hàng đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại ngày của báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

	VND		
	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng cộng
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>			
Vay	261.356.961.765	11.566.900.836	272.923.862.601
Phải trả người bán	50.054.680.349	-	50.054.680.349
Khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	16.007.614.128	-	16.007.614.128
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>327.419.256.242</b>	<b>11.566.900.836</b>	<b>338.986.157.078</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>			
Vay	317.901.071.968	24.986.800.881	342.887.872.849
Phải trả người bán	55.715.671.720	-	55.715.671.720
Khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	16.759.521.928	-	16.759.521.928
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>390.376.265.616</b>	<b>24.986.800.881</b>	<b>415.363.066.497</b>

2014  
 ĐƠN  
 ĐÓ P  
 TẬP Đ  
 HIÊN  
 IN T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>								
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh								
<i>Cổ phiếu niêm yết (Thuyết minh số 5.1)</i>	1.843.637.989	(510.161.989)	14.162.286.787	(7.923.606.787)	1.333.476.000		6.238.680.000	
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua kết quả hoạt động kinh doanh								
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	3.850.000.000	(3.850.000.000)	5.100.000.000	(2.200.490.323)	-		2.899.509.677	
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	33.119.924.383	(7.157.485.843)	33.499.924.383	(7.564.012.608)	25.962.438.540		25.935.911.775	
Phải thu khách hàng	50.391.534.325	(318.794.669)	53.785.439.232	(815.386.510)	50.072.739.656		52.970.052.722	
Phải thu khác	2.079.127.105	-	1.023.170.506	-	2.079.127.105		1.023.170.506	
Tiền và các khoản tương đương tiền	151.264.484.956	-	80.780.886.340	-	151.264.484.956		80.780.886.340	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>242.548.708.758</b>	<b>(11.836.442.501)</b>	<b>188.351.707.248</b>	<b>(18.503.496.228)</b>	<b>230.712.266.257</b>		<b>169.848.211.020</b>	

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay	272.923.862.601	342.887.872.849	272.923.862.601	342.887.872.849
Phải trả người bán	50.054.680.349	55.715.671.720	50.054.680.349	55.715.671.720
Phải trả khác và chi phí phải trả	16.007.614.128	16.759.521.928	16.007.614.128	16.759.521.928
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>338.986.157.078</b>	<b>415.363.066.497</b>	<b>338.986.157.078</b>	<b>415.363.066.497</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Các phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản vay và nợ được ước tính bằng cách chiết khấu luồng tiền trong tương lai sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị ghi sổ của các khoản vay không có khác biệt trọng yếu so với giá trị hợp lý.

**26. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG**

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của các báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay cụ thể như sau:

	Số đầu năm (đã được báo cáo trước đây)	Phân loại lại	VNĐ Số đầu năm (được phân loại lại)
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>			
Phải trả dài hạn khác	-	12.305.666.278	12.305.666.278
Dự phòng trợ cấp thôi việc	12.604.526.278	(12.305.666.278)	298.860.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư khoản trợ cấp thôi việc phải trả trích lập theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Lao động được trình bày trong cùng một khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm. Bắt đầu từ năm 2012, theo quy định của Thông tư số 180/2012/TT-BTC hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm sẽ không có số dư vào cuối năm. Do đó, số dư khoản trợ cấp thôi việc phải trả đã được phân loại lại vào Phải trả dài hạn khác cho phù hợp.

**27. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

  
 Hồ Ngọc Cảnh  
 Người lập

  
 Hồ Ngọc Cảnh  
 Kế toán trưởng

  
 Võ Văn Thành Nghĩa  
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2013